

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
-----***-----

HOÀNG THU TRANG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THANH, QUYẾT TOÁN
HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM

LUẬN VĂN THẠC SĨ

HÀ NỘI - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

-----***-----

HOÀNG THU TRANG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THANH, QUYẾT TOÁN
HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM**

**Ngành : Quản lý xây dựng
Mã số : 60.58.03.02**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

**GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN
TS. NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH**

HÀ NỘI - 2016

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện Luận văn Thạc sỹ, tôi đã nhận được sự giúp đỡ, tạo điều kiện nhiệt tình và quý báu của nhiều cá nhân và tập thể.

Trước hết cho tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Cô giáo Nguyễn Thị Hồng Hạnh đã tận tâm hướng dẫn tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu hoàn thành Luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô trong Khoa Đào tạo sau đại học, Khoa Vận tải và Kinh tế, Bộ môn Kinh tế xây dựng và các Khoa khác trong Trường Đại học Giao thông vận tải đã tận tình giảng dạy và hướng dẫn tôi trong suốt quá trình học tập, thực hiện và hoàn thành Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam và các bộ phận trong đơn vị đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi trong suốt thời gian học tập, thực hiện và hoàn thành Luận văn.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn các bạn lớp cao học Kinh tế xây dựng K21.2 đã nhiệt tình giúp đỡ tôi trong thời gian học tập và nghiên cứu.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình tôi, những người thân đã luôn tin tưởng, động viên, khuyến khích tôi trong suốt quá trình học tập.

Do trình độ và kiến thức còn hạn chế, nội dung luận văn không tránh khỏi những thiếu sót hoặc có những phần nghiên cứu chưa sâu. Rất mong nhận được sự chỉ bảo của các Thầy, Cô.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Học viên

Hoàng Thu Trang

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
MỤC LỤC	ii
DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ	vi
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	vii
MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC THANH, QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG.....	4
1.1 Khái quát về hợp đồng xây dựng.....	4
1.1.1 Khái niệm hợp đồng xây dựng.....	4
1.1.2 Phân loại hợp đồng xây dựng	4
1.1.3 Căn cứ và nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng.....	8
1.1.4. Nội dung hợp đồng xây dựng, hồ sơ hợp đồng xây dựng và thứ tự ưu tiên của các tài liệu hợp đồng xây dựng.....	10
1.1.5 Giá hợp đồng xây dựng	11
1.2 Thanh toán hợp đồng xây dựng.....	14
1.2.1 Khái niệm, nguyên tắc thanh toán hợp đồng xây dựng.....	14
1.2.2 Quy trình thanh toán.....	16
1.2.3 Hình thức thanh toán	22
1.3 Quyết toán hợp đồng xây dựng.....	27
1.3.1 Khái niệm.....	27
1.3.2 Quy trình quyết toán hợp đồng xây dựng.....	27
1.3.3 Hồ sơ quyết toán hợp đồng xây dựng	28
1.3.4 Thời hạn quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng	28
1.4 Tầm quan trọng của thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng và các nhân tố ảnh hưởng đến công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng	29
1.4.1 Nhóm các nhân tố chủ quan.....	30
1.4.2 Nhóm các nhân tố khách quan	31

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THANH, QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM.....	33
2.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	33
2.1.1 Thông tin khái quát.....	33
2.1.2 Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam	34
2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế tổ chức của Ban Quản lý dự án	37
2.2 Thực trạng công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.....	40
2.2.1 Các dự án Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam đang triển khai	40
2.2.2 Trình tự thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.....	46
2.2.3 Công tác thanh, quyết toán một số hợp đồng tiêu biểu tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	51
2.2.4 Đánh giá thực trạng thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.....	70
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THANH, QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM	77
3.1. Định hướng phát triển của Công ty	77
3.1.1 Tăng quy mô và hiệu quả sản xuất kinh doanh	77
3.1.2 Tăng cường công tác quản lý.....	79
3.1.3 Các chỉ tiêu cần đạt được:.....	79
3.1.4 Định hướng trong công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng của Công ty.....	80
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp	

đồng xây dựng tại Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam.....	80
3.2.1 Đổi mới cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam phù hợp với hiện tại	81
3.2.2 Xây dựng một quy trình cụ thể về việc thực hiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty	82
3.2.3 Nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng	86
3.2.4 Tổ chức tốt sự phối hợp giữa các bộ phận trong Công ty khi thực hiện công tác thanh, quyết toán	88
3.2.5 Triển khai thực hiện và giám sát quy trình thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty	90
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	94

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

Bảng 1.1: Mức tạm ứng.....	24
Bảng 1.2: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 1799/HĐ-XD	55
Bảng 1.3: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 05/2008-HĐKT	56
Bảng 1.4: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 368/2008/HĐ-KT/CONINCO/T.TQ	57
Bảng 1.5: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 10/2008/VNLL-HĐXL ..	58
Bảng 1.6: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 01/2009/VNLL-HĐ-TVGSXD	59
Bảng 1.7: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 06/2011/HĐKT – XLICD	60
Bảng 1.8: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 03/2016/HĐTV	62
Bảng 1.9: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 03/2016/HĐTV	63
Bảng 1.10: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 02/2010/VNLL/HĐTV – TVXD	64
Bảng 1.11: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 06/2011/VNLL/HĐKT – TVXD	65
Bảng 1.12: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 09-09/HĐKT	66
Bảng 1.13: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 18/2016/HĐ-XD	67
Bảng 1.14: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 158/2010/HĐ – TVXD ..	68
Bảng 1.15: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 34/2011/HĐKT/CONINCO/CT	69
Bảng 1.16: Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.....	80

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ

Hình 2.1: Các loại hợp đồng xây dựng	5
Hình 2.2: Quy trình thanh toán hợp đồng xây dựng	17
Hình 2.3: Quy trình quyết toán hợp đồng xây dựng	27
Hình 2.4: Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng	30
Hình 2.5: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.....	35
Hình 2.6: Trình tự thanh toán tại Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam	47
Hình 2.7: Trình tự quyết toán các dự án tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50
Hình 2.8: Giải pháp hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	81
Hình 2.9: Quy trình thanh toán tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam do tác giả đề xuất.....	83
Hình 2.10: Quy trình quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam do tác giả đề xuất	84

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nguyên nghĩa
CĐT:	Chủ đầu tư
GTVT:	Giao thông vận tải
QLDA:	Quản lý dự án
KBNN:	Kho bạc nhà nước
HĐXD:	Hợp đồng xây dựng
TCKT:	Tài chính kế toán
TMĐT:	Tổng mức đầu tư
TĐT	Tổng dự toán
GPMB:	Giải phóng mặt bằng
BVTC:	Bản vẽ thi công
CP:	Cổ phần
Hàng hải Việt Nam:	HHVN
Vinalines Logistics	VNLL

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam (sau đây gọi tắt là VNLL) là Công ty con của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines), được thành lập theo định hướng phát triển của Tổng Công ty: “Xác định hoạt động Logistics là hoạt động trọng tâm, bao trùm; Xây dựng và hình thành mạng lưới cung cấp dịch vụ logistics toàn cầu, nhằm huy động mọi nguồn lực về đất đai, lao động, nguồn vốn, kinh nghiệm của các doanh nghiệp thành viên của Vinalines đồng thời liên kết với các đối tác nước ngoài thiết lập mạng lưới hoạt động tại các nước trong khu vực như Hong Kong, Singapore, Đài Loan, Thái Lan, Trung Quốc, và thâm nhập vào thị trường các nước phát triển như Nhật, Châu Âu, Mỹ”.

Mục tiêu phát triển của Vinalines Logistics là đa sở hữu, kinh doanh đa ngành với chức năng chính là vận tải biển, quản lý khai thác và dịch vụ hàng hải, trong đó dịch vụ logistics được xác định là trọng tâm. Với đặc điểm là ngành hỗ trợ các hoạt động vận tải biển và cảng biển, đồng thời là ngành có tỉ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư cao cộng với điều kiện thuận lợi và lợi thế là đơn vị thành viên của Vinalines. Vinalines Logistics phấn đấu trở thành một công ty có quy mô lớn, hiện đại, phát huy tối đa hiệu quả đầu tư, từng bước cạnh tranh với các công ty logistics lớn trong và ngoài nước để giành thị phần trong nước cũng như từng bước phát triển mạng lưới hoạt động ra khu vực và thế giới. Được sự chỉ đạo, ủng hộ và tạo điều kiện của Vinalines, ngay sau khi thành lập Công ty đã tổ chức tìm hiểu nghiên cứu các khu vực có vị trí địa lý phù hợp cho việc đầu tư các dự án của Công ty nhằm hoàn thiện các hệ thống kho bãi, dịch vụ để có thể phục vụ khách hàng một cách nhanh nhất, thuận tiện nhất.

Nhằm tạo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, Công ty đã và đang triển khai thực hiện một số dự án kho bãi tại một số địa phương như Lào Cai, Quảng Ninh, Hà Nội. Tuy nhiên, Công ty với lĩnh

vực hoạt động chính là dịch vụ logistics nên công tác thực hiện dự án đầu tư nói chung và hoạt động thanh, quyết toán hợp đồng nói riêng đang đặt ra cho Ban Giám đốc Công ty cũng như các bộ phận có liên quan những bất cập, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện cần được giải quyết. Vì thế, việc nghiên cứu tìm ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam là vấn đề vô cùng cấp thiết. Xuất phát từ yêu cầu thực tế đó, tôi đã chọn đề tài nghiên cứu: **“Hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam”**

2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận văn là công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.

3. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Phạm vi nghiên cứu của đề tài luận văn là công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.

- Về thời gian: Các số liệu được cập nhật để nghiên cứu phân tích là các dự án thực hiện từ 2008 đến nay.

4. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa và làm sáng tỏ hơn cơ sở lý luận và chế độ quy định về hợp đồng xây dựng và thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại các Công ty.

- Đánh giá thực trạng công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

5. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản của khoa học kinh tế, trong đó chủ yếu là:

- Phương pháp tổng hợp và phân tích.
- Phương pháp so sánh.
- Phương pháp điều tra và dự báo.
- Phương pháp thống kê.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài lời mở đầu, kết luận và kiến nghị, tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được chia thành 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề chung về công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng

Chương 2: Thực trạng thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC THANH, QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

1.1 Khái quát về hợp đồng xây dựng

1.1.1 Khái niệm hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thỏa thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu để thực hiện một phần hay toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Bên giao thầu là chủ đầu tư hoặc đại diện của chủ đầu tư hoặc tổng thầu hoặc nhà thầu chính

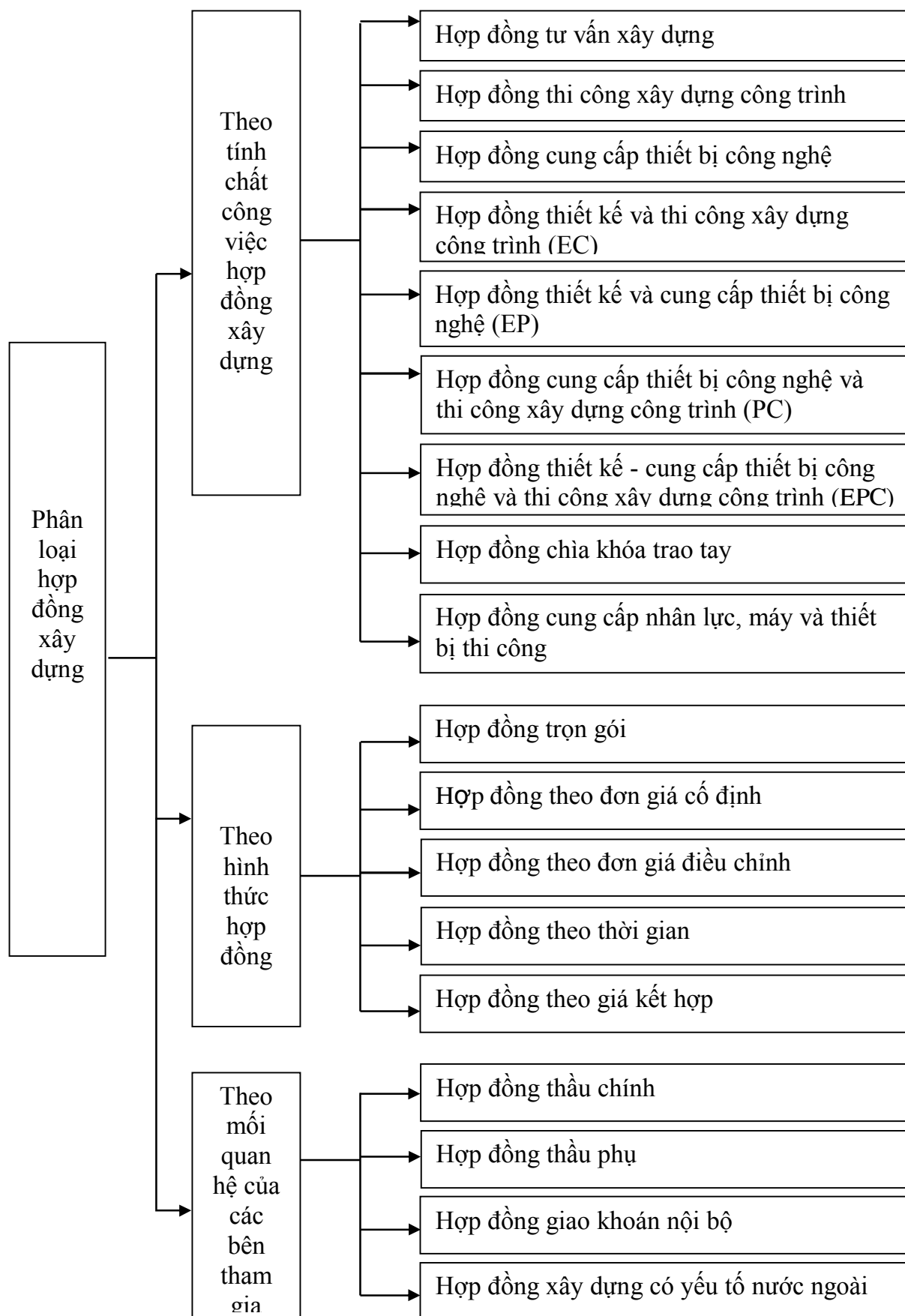
Bên nhận thầu là tổng thầu hoặc nhà thầu chính khi bên giao thầu là chủ đầu tư; nhà thầu phụ khi bên giao thầu là tổng thầu hoặc nhà thầu chính. Bên nhận thầu có thể là liên danh các nhà thầu.

Điều kiện chung của hợp đồng xây dựng là tài liệu kèm theo hợp đồng quy định quyền, nghĩa vụ cơ bản và mối quan hệ của các bên tham gia hợp đồng xây dựng.

Điều kiện cụ thể của hợp đồng xây dựng là tài liệu kèm theo hợp đồng để cụ thể hóa, bổ sung một số quy định của điều kiện chung của hợp đồng xây dựng.

Phụ lục hợp đồng xây dựng là tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng để quy định chi tiết, làm rõ, sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của hợp đồng xây dựng.

1.1.2 Phân loại hợp đồng xây dựng



Hình 2.1: Các loại hợp đồng xây dựng

Dưới đây tác giả xin trình bày chi tiết từng loại hợp đồng xây dựng trên:

1.1.2.1 Theo tính chất công việc

Hợp đồng xây dựng có các loại sau:

a) Hợp đồng tư vấn xây dựng (gọi tắt là hợp đồng tư vấn) là hợp đồng để thực hiện một, một số hay toàn bộ công việc tư vấn trong hoạt động xây dựng.

b) Hợp đồng thi công xây dựng công trình (viết tắt là hợp đồng thi công xây dựng) là hợp đồng để thực hiện việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình hoặc phần việc xây dựng theo thiết kế xây dựng công trình; hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng công trình là hợp đồng thi công xây dựng để thực hiện tất cả các công trình của một dự án đầu tư.

c) Hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ (viết tắt là hợp đồng cung cấp thiết bị) là hợp đồng thực hiện việc cung cấp thiết bị để lắp đặt vào công trình xây dựng theo thiết kế công nghệ; hợp đồng tổng thầu cung cấp thiết bị công nghệ là hợp đồng cung cấp thiết bị cho tất cả các công trình của một dự án đầu tư.

d) Hợp đồng thiết kế và thi công xây dựng công trình (viết tắt là EC) là hợp đồng để thực hiện việc thiết kế và thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình; hợp đồng tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình là hợp đồng thiết kế và thi công xây dựng tất cả các công trình của một dự án đầu tư.

đ) Hợp đồng thiết kế và cung cấp thiết bị công nghệ (viết tắt là EP) là hợp đồng để thực hiện việc thiết kế và cung cấp thiết bị để lắp đặt vào công trình xây dựng theo thiết kế công nghệ; hợp đồng tổng thầu thiết kế và cung cấp thiết bị công nghệ là hợp đồng thiết kế và cung cấp thiết bị công nghệ cho tất cả các công trình của một dự án đầu tư.

e) Hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (viết tắt là PC) là hợp đồng để thực hiện việc cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình; hợp đồng tổng thầu

cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình là hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng tất cả các công trình của một dự án đầu tư.

f) Hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (viết tắt là EPC) là hợp đồng để thực hiện các công việc từ thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ đến thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình; hợp đồng tổng thầu EPC là hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng tất cả các công trình của một dự án đầu tư.

g) Hợp đồng tổng thầu chìa khoá trao tay là hợp đồng xây dựng để thực hiện toàn bộ các công việc lập dự án, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình của một dự án đầu tư xây dựng công trình.

1.1.2.2. Theo hình thức giá hợp đồng

Hợp đồng xây dựng có các loại sau:

a) Hợp đồng trọn gói: Là hợp đồng có giá không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp có bổ sung khối lượng theo quy định;

b) Hợp đồng theo đơn giá cố định: Là hợp đồng được xác định trên cơ sở đơn giá cố định cho các công việc nhân với khối lượng công việc tương ứng. Đơn giá cố định là đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng;

c) Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Là hợp đồng được xác định trên cơ sở đơn giá cho các công việc đã điều chỉnh do trượt giá theo các thỏa thuận trong hợp đồng nhân với khối lượng công việc tương ứng. Điều chỉnh giá do trượt giá thực hiện theo phương pháp quy định được hướng dẫn trong các văn bản pháp luật từng thời kỳ;

d) Hợp đồng theo thời gian: Là hợp đồng được xác định trên cơ sở mức thù lao cho chuyên gia, các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia và thời gian làm việc (khối lượng) tính theo tháng, tuần, ngày, giờ:

Mức thù lao cho chuyên gia là chi phí cho chuyên gia, được xác định trên cơ

sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế (theo tháng, tuần, ngày, giờ).

Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia bao gồm: Chi phí đi lại, khảo sát, thuê văn phòng làm việc và chi phí hợp lý khác.

đ) Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm (%): Là hợp đồng được tính theo tỷ lệ (%) giá trị của công trình hoặc giá trị khối lượng công việc. Khi bên nhận thầu hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng, bên giao thầu thanh toán cho bên nhận thầu số tiền bằng tỷ lệ (%) được xác định trong hợp đồng nhân với giá trị công trình hoặc giá trị khối lượng công việc.

1.1.2.3. Theo các mối quan hệ của các bên tham gia trong hợp đồng

Hợp đồng xây dựng có các loại sau:

a) Hợp đồng thầu chính: Là hợp đồng xây dựng được ký kết giữa chủ đầu tư với nhà thầu chính hoặc tổng thầu.

b) Hợp đồng thầu phụ: Là hợp đồng xây dựng được ký kết giữa nhà thầu chính hoặc tổng thầu với nhà thầu phụ.

c) Hợp đồng giao khoán nội bộ là hợp đồng giữa bên giao thầu và bên nhận thầu thuộc một cơ quan, tổ chức.

d) Hợp đồng xây dựng có yếu tố nước ngoài là hợp đồng xây dựng được ký kết giữa một bên là nhà thầu nước ngoài với nhà thầu trong nước hoặc chủ đầu tư trong nước.

1.1.3 Căn cứ và nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng

1.1.3.1 Căn cứ ký kết hợp đồng xây dựng

- Các căn cứ ký kết hợp đồng xây dựng bao gồm các yêu cầu về công việc cần thực hiện được các bên thống nhất, kết quả lựa chọn nhà thầu, kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và các căn cứ pháp lý áp dụng có liên quan.

- Đối với hợp đồng EPC, EC, EP ngoài các căn cứ nêu trên thì căn cứ ký kết hợp đồng còn bao gồm báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc

thiết kế FEED được duyệt.

- Đối với hợp đồng chìa khóa trao tay ngoài các căn cứ nêu trên thì căn cứ ký kết hợp đồng còn bao gồm nhiệm vụ thực hiện dự án, chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng được phê duyệt.

1.1.3.2 Nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng

Về nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng phải phù hợp với các quy định sau (Khoản 2 Điều 138 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13). Cụ thể khi ký kết hợp đồng xây dựng cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, không trái pháp luật và đạo đức xã hội;

- Bảo đảm có đủ vốn để thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng;

- Đã hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu theo quy định và kết thúc quá trình đàm phán hợp đồng;

- Trường hợp bên nhận thầu là liên danh nhà thầu thì phải có thỏa thuận liên danh. Các thành viên trong liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào hợp đồng xây dựng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Và đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Tại thời điểm ký kết hợp đồng bên nhận thầu phải đáp ứng điều kiện năng lực hành nghề, năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia khối lượng trong thỏa thuận liên danh phải phù hợp với năng lực hoạt động của từng thành viên trong liên danh. Đối với nhà thầu chính nước ngoài phải có cam kết thuê thầu phụ trong nước thực hiện các công việc của hợp đồng dự kiến giao thầu phụ khi các nhà thầu trong nước đáp ứng các yêu cầu của gói thầu.

- Chủ đầu tư hoặc đại diện của chủ đầu tư được ký hợp đồng với một hay nhiều nhà thầu chính để thực hiện công việc. Trường hợp chủ đầu tư ký hợp đồng với nhiều nhà thầu chính thì nội dung của hợp đồng này phải đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong quá trình thực hiện các công việc của hợp đồng để đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư của dự án đầu tư xây dựng.

- Tổng thầu, nhà thầu chính được ký hợp đồng với một hoặc một số nhà thầu phụ, nhưng các nhà thầu phụ này phải được chủ đầu tư chấp thuận, các hợp đồng thầu phụ này phải thống nhất, đồng bộ với hợp đồng thầu chính đã ký với chủ đầu tư. Tổng thầu, nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm với chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng các công việc đã ký kết, kể cả các công việc do nhà thầu phụ thực hiện.

- Giá ký kết hợp đồng không được vượt giá trúng thầu hoặc kết quả đàm phán, thương thảo hợp đồng xây dựng, trừ khối lượng phát sinh ngoài phạm vi công việc của gói thầu được Người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép

1.1.4. Nội dung hợp đồng xây dựng, hồ sơ hợp đồng xây dựng và thứ tự ưu tiên của các tài liệu hợp đồng xây dựng

1.1.4.1 Nội dung hợp đồng xây dựng

* Hợp đồng xây dựng gồm các nội dung sau:

- Căn cứ pháp lý áp dụng;
- Ngôn ngữ áp dụng;
- Nội dung và khối lượng công việc;
- Chất lượng, yêu cầu kỹ thuật của công việc, nghiệm thu và bàn giao;
- Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng;
- Giá hợp đồng, tạm ứng, đồng tiền sử dụng trong thanh toán và thanh toán hợp đồng xây dựng;
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng hợp đồng;
- Điều chỉnh hợp đồng xây dựng;
- Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng xây dựng;
- Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, thưởng và phạt vi phạm hợp đồng;
- Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng xây dựng;
- Giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng;
- Rủi ro và bất khả kháng;
- Quyết toán và thanh lý hợp đồng xây dựng;

- Các nội dung khác.

* Đối với hợp đồng tổng thầu xây dựng ngoài các nội dung nêu trên còn phải được bổ sung về nội dung và trách nhiệm quản lý của tổng thầu xây dựng.

* Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng tại Nghị định số 37/2015/NĐ - CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ.

1.1.4.2 Hồ sơ hợp đồng xây dựng

Hồ sơ hợp đồng xây dựng gồm hợp đồng có nội dung nêu trong mục 1.1.4.1 nêu trên và các tài liệu kèm theo hợp đồng.

Tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng gồm một số hoặc toàn bộ các tài liệu sau:

- Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;
- Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;
- Điều kiện chung của hợp đồng;
- Hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu của bên giao thầu;
- Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
- Hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất của bên nhận thầu;
- Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
- Các phụ lục của hợp đồng;
- Các tài liệu khác có liên quan.

Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng do các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận. Trường hợp các bên tham gia hợp đồng không thỏa thuận thì áp dụng theo thứ tự nêu trên.

1.1.5 Giá hợp đồng xây dựng

1.1.5.1 Khái niệm

Giá hợp đồng xây dựng là khoản kinh phí bên giao thầu cam kết trả cho bên nhận thầu để thực hiện công việc theo yêu cầu về khối lượng, chất lượng, tiến độ, điều kiện thanh toán, tạm ứng hợp đồng và các yêu cầu khác theo

thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng (khoản 1, điều 15, Mục 1 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015)

1.1.5.2 Các hình thức giá hợp đồng xây dựng:

- Giá hợp đồng trọn gói là giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện.

- Giá hợp đồng theo đơn giá cố định được xác định trên cơ sở đơn giá cố định cho các công việc nhân với khối lượng công việc tương ứng. Đơn giá cố định là đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

- Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh được xác định trên cơ sở đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo các thỏa thuận trong hợp đồng nhân với khối lượng công việc tương ứng được điều chỉnh giá. Phương pháp điều chỉnh đơn giá do trượt giá thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Khoản 3, 4 Điều 38 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015.

- Giá hợp đồng theo thời gian được xác định trên cơ sở mức thù lao cho chuyên gia, các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia và thời gian làm việc (khối lượng) tính theo tháng, tuần, ngày, giờ. Mức thù lao cho chuyên gia là chi phí cho chuyên gia, được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế (theo tháng, tuần, ngày, giờ). Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia bao gồm: Chi phí đi lại, văn phòng làm việc và chi phí hợp lý khác.

- Giá hợp đồng theo giá kết hợp là loại giá hợp đồng được sử dụng kết hợp các loại giá hợp đồng nêu trên cho phù hợp với đặc tính của từng loại công việc trong hợp đồng.

Giá hợp đồng xây dựng được xác định căn cứ vào giá trúng thầu, hoặc kết quả đàm phán, thương thảo hợp đồng xây dựng giữa các bên.

1.1.5.3 Điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng xây dựng

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

Giá hợp đồng trọn gói được áp dụng cho các gói thầu tại thời điểm lựa chọn nhà thầu và đàm phán ký kết hợp đồng đã đủ điều kiện để xác định rõ về khối lượng và đơn giá để thực hiện các công việc theo đúng các yêu cầu của hợp đồng xây dựng hoặc trong một số trường hợp chưa thể xác định được rõ khối lượng, đơn giá (như: Hợp đồng EC, EP, PC, EPC và hợp đồng chìa khóa trao tay) nhưng các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực kinh nghiệm để tính toán, xác định giá hợp đồng trọn gói.

Khi áp dụng giá hợp đồng trọn gói thì giá gói thầu, giá hợp đồng phải tính toán đầy đủ các yếu tố rủi ro liên quan đến giá hợp đồng như rủi ro về khối lượng, trượt giá trong thời gian thực hiện hợp đồng và mỗi bên phải tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro của mình.

b) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

Giá hợp đồng theo đơn giá cố định được áp dụng cho các gói thầu tại thời điểm lựa chọn nhà thầu và đàm phán ký kết hợp đồng đã đủ điều kiện để xác định rõ về đơn giá để thực hiện các công việc theo đúng các yêu cầu của hợp đồng xây dựng, nhưng chưa xác định được chính xác khối lượng công việc. Khi đó, đơn giá cho các công việc theo hợp đồng phải tính toán đầy đủ các yếu tố rủi ro liên quan đến giá hợp đồng như trượt giá trong thời gian thực hiện hợp đồng và mỗi bên phải tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro của mình. Khi đó, giá gói thầu, giá hợp đồng các bên phải dự tính trước chi phí dự phòng cho các yếu tố trượt giá và khối lượng.

c) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Được áp dụng cho các gói thầu tại thời điểm lựa chọn nhà thầu và đàm phán ký kết hợp đồng các bên tham gia hợp đồng chưa đủ điều kiện để xác định rõ về khối lượng, đơn giá và các yếu tố rủi ro liên quan đến giá hợp đồng như trượt giá trong thời gian thực hiện hợp đồng. Khi đó, giá gói thầu, giá hợp đồng các bên phải dự tính trước chi phí dự phòng cho các yếu tố trượt giá và khối lượng.

d) Giá hợp đồng theo thời gian thường được áp dụng đối với một số hợp đồng xây dựng có công việc tư vấn trong hoạt động đầu tư xây dựng. Hợp đồng tư vấn xây dựng được áp dụng tất cả các loại giá hợp đồng quy định trong Nghị định này.

1.2 Thanh toán hợp đồng xây dựng

1.2.1 Khái niệm, nguyên tắc thanh toán hợp đồng xây dựng

1.2.1.1 Khái niệm

Thanh toán hợp đồng xây dựng là việc Chủ đầu tư trả tiền cho nhà thầu trên cơ sở khối lượng các công việc hoàn thành kể cả khối lượng phát sinh (nếu có) được nghiệm thu đúng về số lượng, chất lượng và đơn giá tương ứng với các công việc đã ghi trong hợp đồng hoặc phụ lục bổ sung trong hợp đồng.

1.2.1.2 Nguyên tắc thanh toán hợp đồng xây dựng

- Việc thanh toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng mà các bên đã ký kết. Khi thanh toán theo các thỏa thuận trong hợp đồng các bên không phải ký phụ lục hợp đồng, trừ trường hợp bổ sung công việc chưa có trong hợp đồng.

- Các bên thỏa thuận trong hợp đồng về số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán.

- Bên giao thầu phải thanh toán đầy đủ (100%) giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình theo thỏa thuận trong hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

- Trường hợp trong kỳ thanh toán các bên chưa đủ điều kiện để thanh toán theo đúng quy trình của hợp đồng (chưa có dữ liệu để điều chỉnh giá, chưa đủ thời gian để xác định chất lượng sản phẩm,...) thì có thể tạm thanh toán. Khi đã đủ điều kiện để xác định giá trị thanh toán thì bên giao thầu phải thanh toán cho bên nhận thầu theo đúng quy định.

- Đối với hợp đồng trọn gói: Thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không đòi hỏi có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh: Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo thời gian việc thanh toán được quy định như sau:

+ Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ).

+ Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức thanh toán quy định trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo giá kết hợp, việc thanh toán phải thực hiện tương ứng với quy định về thanh toán các loại hợp đồng nêu trên.

- Việc thanh toán các khối lượng phát sinh (ngoài hợp đồng) chưa có đơn giá trong hợp đồng thực hiện theo các thỏa thuận hợp đồng hoặc thỏa thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

- Thời hạn thanh toán do các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy mô và tính chất của từng hợp đồng. Thời hạn thanh toán không được kéo dài quá 14 ngày làm việc kể từ ngày bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng và được quy định cụ thể như sau:

+ Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của bên nhận thầu, bên giao thầu phải hoàn thành các thủ tục và chuyển đề nghị thanh toán tới ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước phục vụ thanh toán.

+ Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên giao thầu, Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước phục vụ thanh toán phải chuyển đủ giá trị của lần thanh toán cho bên nhận thầu.

+ Đối với các hợp đồng xây dựng thuộc các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay của các tổ chức tín dụng nước ngoài thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế. Khi thỏa thuận về thời hạn thanh toán các bên phải căn cứ theo các quy định của Điều ước quốc tế và quy trình thanh toán vốn đầu tư theo quy định của pháp luật để thỏa thuận trong hợp đồng cho phù hợp.

- Nghiêm cấm bên giao thầu không thanh toán đầy đủ hoặc không đúng thời hạn theo các thỏa thuận trong hợp đồng cho bên nhận thầu.

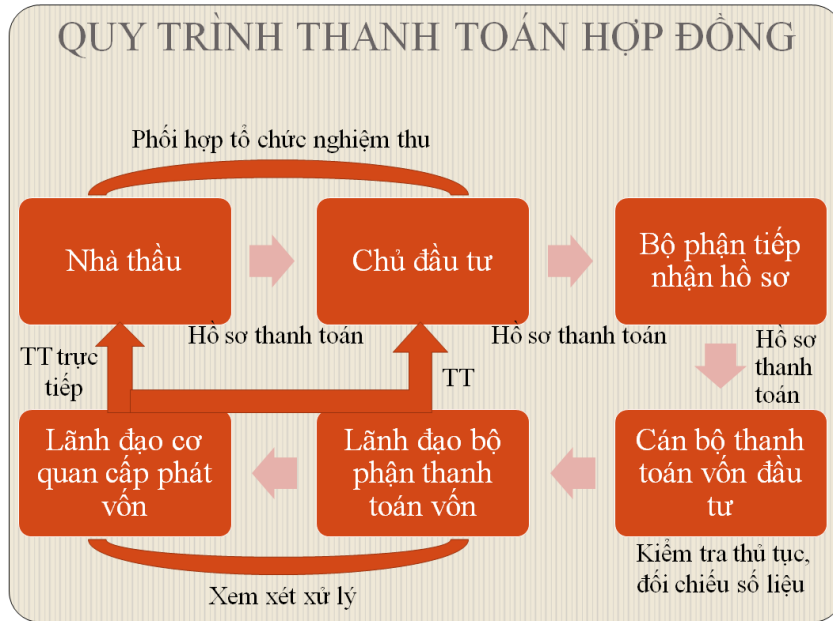
1.2.2 Quy trình thanh toán

1.2.2.1 Trường hợp hợp đồng trong giai đoạn chuẩn bị dự án

a. Tiếp nhận hồ sơ từ phía nhà thầu

Căn cứ trên các biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên và đơn giá trong hợp đồng cán bộ được phân công bên chủ đầu tư chịu trách nhiệm làm việc với nhà thầu để:

- Nghiệm thu khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán;
- Kiểm tra bảng xác định giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán;
- Tiếp nhận giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn giá trị gia tăng (nếu có yêu cầu trong hợp đồng);
- Làm các thủ tục cần thiết để thanh toán khối lượng phát sinh trong hoặc ngoài hợp đồng theo quy định (ví dụ kiểm tra đơn giá, trình ký hợp đồng bổ sung, hoặc phụ lục hợp đồng);
- Kiểm tra giấy tờ và lập biên bản giao nhận tài liệu với nhà thầu.



Hình 2.2: Quy trình thanh toán hợp đồng xây dựng

b. Nộp hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành cho kho bạc nhà nước

Ngoài tài liệu nộp một lần và tài liệu nộp hàng năm như trên, sau khi nhận đủ hồ sơ theo yêu cầu hợp đồng từ phía nhà thầu, trong vòng bảy ngày làm việc cán bộ phụ trách thanh toán của chủ đầu tư phải nộp bộ hồ sơ đề nghị thanh toán cho kho bạc nhà nước như sau:

b1.Trường hợp thanh toán theo hợp đồng:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng;
- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có thanh toán tạm ứng);
- Giấy rút vốn đầu tư

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, cán bộ thanh toán của chủ đầu tư gửi bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng.

b2.Trường hợp thanh toán không theo hợp đồng:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (trường hợp có nội dung chi không thể ghi hết trong Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư thì chủ đầu tư có thể lập bảng kê nội dung chi đề nghị thanh toán kèm theo);

- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có thanh toán tạm ứng);

- Giấy rút vốn đầu tư

Giá trị đề nghị thanh toán là giá trị mà nhà thầu được hưởng trừ đi số tiền thu hồi tạm ứng và các khoản giữ lại khác (nếu có)

c. Theo dõi kết quả

Tùy theo lần thanh toán cán bộ phụ trách thanh toán của chủ đầu tư cần kiểm tra xem số tiền đã tới đơn vị thụ hưởng chưa để xử lý, hay báo cáo lãnh đạo, thời gian thanh toán theo quy định của kho bạc nhà nước như sau:

c1. Đối với từng lần thanh toán của công việc, hợp đồng thanh toán nhiều lần (trừ lần thanh toán cuối cùng)

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả nhận được đầy đủ hồ sơ của chủ đầu tư, KBNN các cấp hoàn thành thủ tục thanh toán, chuyển tiền cho đơn vị thụ hưởng theo nguyên tắc thanh toán trước, kiểm soát sau.

Căn cứ hồ sơ đã nhận, trong thời hạn tối đa là 07 ngày làm việc kể từ khi cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả nhận được đầy đủ hồ sơ của chủ đầu tư, cán bộ thanh toán thực hiện kiểm soát lại hồ sơ thanh toán. Trường hợp sau khi kiểm soát, số vốn chấp nhận thanh toán có sự chênh lệch với số vốn đã thanh toán cho chủ đầu tư, cán bộ thanh toán dự thảo văn bản (theo mẫu số 02/TTVĐT) và báo cáo trưởng phòng Thanh toán VĐT trình lãnh đạo KBNN ký gửi chủ đầu tư thông báo về kết quả kiểm soát và trừ vào những lần thanh toán tiếp theo (nếu số chấp nhận thanh toán nhỏ hơn số vốn đã thanh toán).

c2. Đối với công việc, hợp đồng thanh toán 1 lần và lần thanh toán cuối cùng của công việc, hợp đồng thanh toán nhiều lần.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả nhận được đầy đủ hồ sơ của chủ đầu tư, KBNN các cấp hoàn thành thủ tục thanh toán, chuyển tiền cho đơn vị thụ hưởng theo nguyên tắc kiểm soát trước, thanh toán sau.

d. Thanh toán khi vốn chuẩn bị dự án được phê duyệt quyết toán

Khi vốn chuẩn bị dự án được phê duyệt quyết toán, cán bộ thanh toán của chủ đầu tư căn cứ vào số vốn đã thanh toán cho công tác chuẩn bị dự án và quyết định phê duyệt quyết toán do cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện một trong hai bước sau:

- Trường hợp quyết toán được duyệt lớn hơn số vốn đã thanh toán: gửi đến KBNN:

- + Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- + Giấy rút vốn đầu tư.

để thanh toán nốt phần chênh lệch giữa số được phê duyệt quyết toán và số đã thanh toán.

- Trường hợp quyết toán được duyệt nhỏ hơn số vốn đã thanh toán: Cán bộ thanh toán phải có trách nhiệm phối hợp với kho bạc nhà nước, nhà thầu thu hồi số vốn đã chi trả lớn hơn so với số được phê duyệt quyết toán và hạch toán giảm cấp phát cho dự án.

1.2.2.2. Trường hợp hợp đồng trong giai đoạn thực hiện dự án

a. Tiêu chí xác định khối lượng xây lắp hoàn thành đủ điều kiện thanh toán:

- Khối lượng thực hiện có trong thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt.

- Khối lượng thực hiện có trong dự toán hoặc tổng dự toán được thẩm định và phê duyệt.

- Khối lượng thực hiện có trong kế hoạch được thông báo.

- Khối lượng có trong hợp đồng.

- Khối lượng hoàn thành đến điểm dừng kỹ thuật cho phép.

- Khối lượng được A-B nghiệm thu (đạt yêu cầu về chất lượng), Bên A đã chấp nhận thanh toán.

b. Tiếp nhận hồ sơ từ nhà thầu

Căn cứ trên các biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, và đơn giá trong hợp đồng cán bộ được phân công bên chủ đầu tư chịu trách nhiệm làm việc với nhà thầu để:

- Nghiệm thu khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán;
- Kiểm tra bảng xác định giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán;
- Tiếp nhận giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn giá trị gia tăng (nếu có yêu cầu trong hợp đồng);
- Làm các thủ tục cần thiết để thanh toán khối lượng phát sinh trong hoặc ngoài hợp đồng theo quy định của nhà nước (ví dụ kiểm tra đơn giá, trình ký hợp đồng bổ sung, hoặc phụ lục hợp đồng);
- Kiểm tra giấy tờ, và lập biên bản giao nhận tài liệu với nhà thầu.

c. Nộp hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành cho kho bạc nhà nước

Ngoài tài liệu nộp một lần và tài liệu hàng năm khi thanh toán khối lượng hoàn thành, cán bộ thanh toán của chủ đầu tư còn gửi đến KBNN các tài liệu sau:

- * Trường hợp thanh toán khối lượng hoàn thành theo hợp đồng.
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng;
- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có thanh toán tạm ứng);
- Giấy rút vốn đầu tư.

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, cán bộ thanh toán của chủ đầu tư gửi Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có).

Đối với chi phí phá và tháo dỡ các vật kiến trúc cũ, chủ đầu tư còn gửi thêm Hợp đồng giữa chủ đầu tư và đơn vị nhận phá và tháo dỡ các vật kiến trúc cũ; Dự toán được duyệt; Biên bản thanh lý vật tư thu hồi (nếu có).

* Trường hợp thanh toán khối lượng hoàn thành không theo hợp đồng. (các công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, các chi phí

thẩm tra, thẩm định do các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao ...)

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (trường hợp có nhiều nội dung chi không thể ghi hết trong Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư thì chủ đầu tư có thể lập bảng kê nội dung chi đề nghị thanh toán kèm theo);

- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có thanh toán tạm ứng);

- Giấy rút vốn đầu tư.

- * Trường hợp thanh toán khối lượng hoàn thành tự làm.

Chủ đầu tư gửi đến KBNN các tài liệu như đối với thanh toán khối lượng hoàn thành theo hợp đồng xây dựng.

- * Thanh toán chi phí quản lý dự án.

Thanh toán chi phí quản lý dự án được thực hiện theo quyết định số 282/QĐ-KBNN ngày 20/4/2012 của Kho bạc Nhà nước về việc quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong nước qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.

- * Đối với khoản chi như lệ phí cấp đất xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, chủ đầu tư còn gửi thêm các tài liệu: Bảng kê có chữ ký phê duyệt và dấu của chủ đầu tư kèm theo Hóa đơn, chứng hợp lệ của cơ quan thu tiền (bản sao có đóng dấu của chủ đầu tư).

- * Theo dõi thanh toán khối lượng hoàn thành

Cán bộ phụ trách thanh toán chịu trách nhiệm theo dõi thanh toán khối lượng hoàn thành như khi thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư.

- * Thanh toán khi quyết toán dự án, công trình được duyệt.

Khi dự án, công trình được người có thẩm quyền duyệt quyết toán dự án, công trình hoàn thành, cán bộ thanh toán của chủ đầu tư căn cứ vào sổ vốn đã thanh toán cho dự án, công trình và quyết định phê duyệt quyết toán vốn dự án, công trình hoàn thành, tiến hành như sau:

- Trường hợp quyết toán được duyệt lớn hơn số vốn đã thanh toán: cán bộ thanh toán của chủ đầu tư gửi đến KBNN:

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

+ Giấy rút vốn đầu tư;

để thanh toán nốt phần chênh lệch giữa số được phê duyệt quyết toán và số đã thanh toán.

- Trường hợp quyết toán được duyệt nhỏ hơn số vốn đã thanh toán: cán bộ thanh toán của chủ đầu tư phải có trách nhiệm phối hợp với kho bạc nhà nước, nhà thầu thu hồi số vốn đã chi trả lớn hơn so với số được phê duyệt quyết toán, và hạch toán giảm cấp phát cho dự án.

1.2.3 Hình thức thanh toán

Theo quy định của chế độ hiện thành có hai hình thức thanh toán hợp đồng xây dựng là:

- Thanh toán theo khối lượng hoàn thành;

- Thanh toán theo hình thức tạm ứng, thu hoàn vốn;

1.2.3.1. Thanh toán theo khối lượng hoàn thành

Khối lượng hoàn thành là khối lượng thực hiện đủ điều kiện thanh toán được chủ đầu tư chấp nhận và phải đảm bảo đủ các tiêu chí sau:

- Khối lượng đó có trong thiết kế được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Khối lượng đó có trong tổng dự toán, dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Khối lượng đó có trong kế hoạch đầu tư hàng năm được giao và thông báo;

- Khối lượng đó phải đo được, điểm được, nhìn thấy được;

- Khối lượng đó phải được chủ đầu tư (bên A) và nhà thầu (bên B) tổ chức nghiệm thu, được bên A chấp nhận và làm thủ tục đề nghị thanh toán.

Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh

toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng.

Hồ sơ thanh toán:

Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước, bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu.

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu.

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc thanh toán tạm ứng - phụ lục số 05 kèm theo.

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

1.2.3.2. Thanh toán theo hình thức tạm ứng

Việc tạm ứng vốn của chủ đầu tư cho nhà thầu chỉ cho các công việc cần thiết phải tạm ứng trước và phải được quy định rõ đối tượng, nội dung và công việc cụ thể trong hợp đồng. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng phải theo quy định của Nhà nước đối với từng loại hợp đồng cụ thể như sau:

1.2.3.3 Mức vốn tạm ứng

- * Đối với hợp đồng thi công xây dựng:

- Hợp đồng có giá trị dưới 10 tỷ đồng, mức tạm ứng tối thiểu bằng 20% giá trị hợp đồng;

- Hợp đồng có giá trị từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, mức tạm ứng tối thiểu bằng 15% giá trị hợp đồng;

- Hợp đồng có giá trị trên 50 tỷ đồng, mức tạm ứng tối thiểu bằng 10% giá trị hợp đồng.

* Đối với hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ, hợp đồng EPC, hợp đồng chìa khóa trao tay và các loại hợp đồng xây dựng khác: mức tạm ứng tối thiểu bằng 10% giá trị hợp đồng.

* Đối với hợp đồng tư vấn:

- Mức tạm ứng tối thiểu bằng 15% giá trị hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị trên 10 tỷ đồng.

- Mức tạm ứng tối thiểu bằng 20% giá trị hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị đến 10 tỷ đồng.

* Mức tạm ứng tối đa của các loại hợp đồng trên là 50% giá trị hợp đồng. Trường hợp đặc biệt cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép.

* Đối với công việc giải phóng mặt bằng:

Mức vốn tạm ứng theo tiến độ thực hiện trong kế hoạch giải phóng mặt bằng. Các Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp phải bố trí đủ vốn cho công tác giải phóng mặt bằng, thanh toán theo phương án.

* Ngoài mức vốn ứng tối đa theo các hợp đồng nêu trên, đối với một số cấu kiện, bán thành phẩm trong xây dựng có giá trị lớn phải được sản xuất trước để đảm bảo tiến độ thi công và một số loại vật tư phải dự trữ theo mùa, mức vốn tạm ứng theo nhu cầu cần thiết và do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu.

Mức vốn tạm ứng cho tất cả các trường hợp trên không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí cho gói thầu, dự án.

Bảng 1.1: Mức tạm ứng

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Loại công việc của hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Mức tạm ứng tối thiểu	Mức tạm ứng tối đa	Ghi chú
I	Đối với hợp đồng	<10	20%	Mức tối đa	Mức

	thi công xây dựng	10 ÷ 50	15%	50%.	vốn tạm
		>50	10%	Trường	ứng cho
II	HĐ cung cấp thiết bị công nghệ, hợp đồng EPC, hợp đồng chìa khóa trao tay và các loại hợp đồng xây dựng khác		10%	hợp đặc biệt cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép	tất cả các trường hợp không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí cho gói thầu, dự án
III	Hợp đồng tư vấn	>	15%		
		<=	20%		
IV	Đối với công việc giải phóng mặt bằng		Mức vốn tạm ứng theo tiến độ thực hiện trong kế hoạch		

Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực; trường hợp trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng thì nhà thầu phải có bảo lãnh khoản tiền tạm ứng.

1.2.3.4. Thu hồi vốn tạm ứng

Mức thu hồi tương ứng từng lần thanh toán	=	Giá trị khối lượng thực hiện được thanh toán	x	Tỷ lệ thu hồi
---	---	--	---	---------------

* Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức

thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng.

* Đối với công việc giải phóng mặt bằng:

- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ: Sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng.

- Đối với việc mua nhà tái định cư và các công việc giải phóng mặt bằng khác: vốn tạm ứng được thu hồi vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi đã thực hiện xong công việc giải phóng mặt bằng.

1.2.3.5. Điều kiện tạm ứng

- Có quyết định chọn thầu;
- Có hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và nhà thầu;
- Có kế hoạch Vốn đầu tư;
- Có bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- Có giấy đề nghị của nhà thầu.

1.2.3.6. Hồ sơ thanh toán tạm ứng

Để được thanh toán tạm ứng, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc nhà nước các tài liệu sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Chứng từ chuyển tiền;
- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng), chủ đầu tư gửi Kho bạc nhà nước bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư.

1.2.3.7 Nhà nước cấp vốn

Nhà nước cấp vốn cho Chủ đầu tư để thanh toán tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 (trừ trường hợp thanh toán tạm ứng để thực hiện giải phóng mặt bằng thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau). Chủ đầu tư có thể được thanh toán tạm ứng một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định nêu trên; trường hợp kế hoạch vốn bố trí

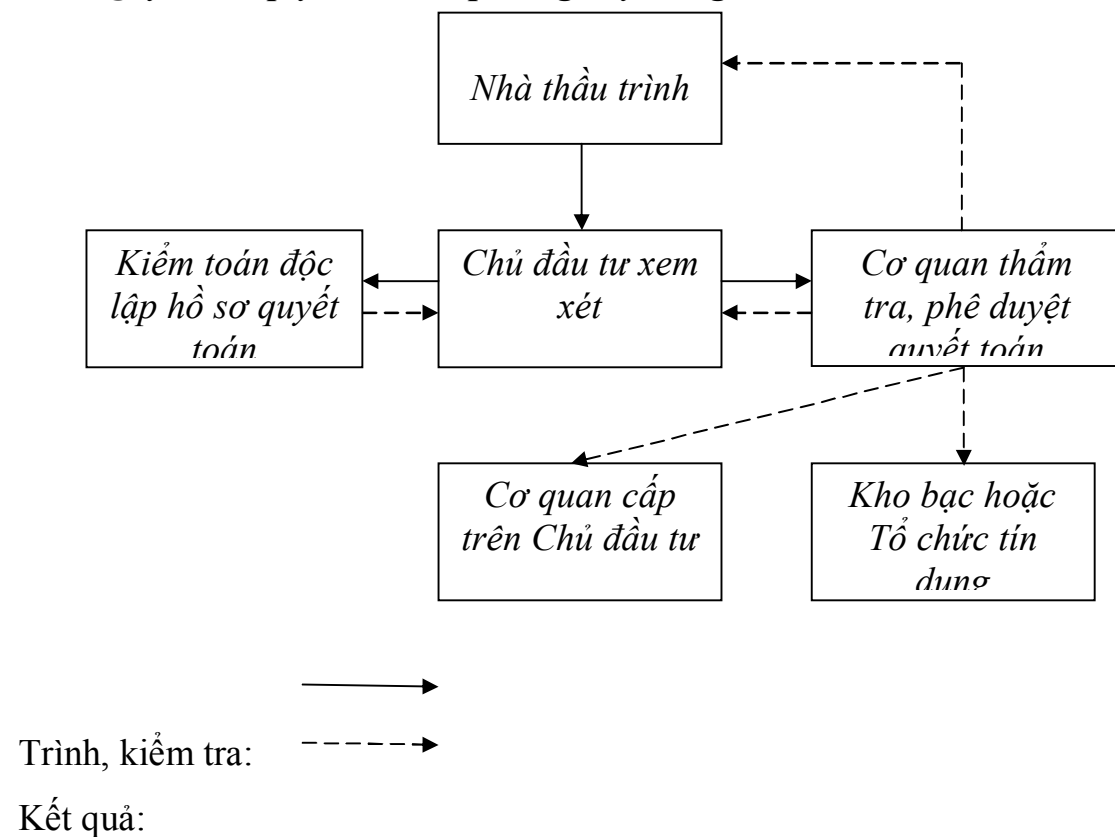
không đủ mức vốn tạm ứng thì chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

1.3 Quyết toán hợp đồng xây dựng

1.3.1 Khái niệm

Quyết toán hợp đồng là việc xác định tổng giá trị cuối cùng của hợp đồng xây dựng mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho bên nhận thầu khi bên nhận thầu hoàn thành tất cả các công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng.

1.3.2. Quy trình quyết toán hợp đồng xây dựng



Hình 2.3: Quy trình quyết toán hợp đồng xây dựng

- Sau khi Bên nhận thầu dựa vào các căn cứ trên để lập hồ sơ quyết toán thì chuyển Chủ đầu tư xem xét và ký hồ sơ quyết toán;

- Chủ đầu tư xem xét đã đầy đủ hồ sơ quyết toán chưa? Bên nhận thầu lập đã đúng các mẫu biểu theo quy định hiện hành của Nhà nước chưa? Sau khi đối chiếu, xem xét đã đầy đủ pháp lý thì Chủ đầu tư sẽ ký hồ sơ quyết toán;

- Chủ đầu tư có thể thuê đơn vị kiểm toán độc lập trước khi trình cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán (nếu thấy cần thiết). Trừ các dự án trọng điểm quốc gia, dự án nhóm A, nhóm B sử dụng vốn nhà nước khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán;

- Trình cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán;

- Cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán sẽ kiểm tra tính pháp lý và toàn bộ khối lượng sau đó ra thông báo thẩm tra và quyết định phê duyệt quyết toán;

- Sau khi có báo cáo thẩm tra và quyết định phê duyệt quyết toán sẽ gửi cho Chủ đầu tư; Cơ quan quản lý cấp trên của Chủ đầu tư, Các nhà thầu liên quan; Cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán để kiểm soát và thanh toán nốt số tiền còn lại.

1.3.3 Hồ sơ quyết toán hợp đồng xây dựng

Hồ sơ quyết toán hợp đồng do bên nhận thầu lập phù hợp với từng loại hợp đồng và giá hợp đồng. Nội dung của hồ sơ quyết toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với các thỏa thuận trong hợp đồng, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng và công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng;

- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi tắt là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký, giá trị đã thanh toán hoặc tạm thanh toán và giá trị còn lại mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho bên nhận thầu;

- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình đối với hợp đồng có công việc thi công xây dựng;

- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng.

1.3.4. Thời hạn quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng

Thời hạn quyết toán hợp đồng xây dựng do các bên thỏa thuận trong hợp

đồng xây dựng:

- Riêng đối với hợp đồng xây dựng sử dụng vốn nhà nước, thời hạn quyết toán hợp đồng xây dựng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc của hợp đồng, bao gồm cả phần công việc phát sinh (nếu có).

- Trường hợp hợp đồng xây dựng có quy mô lớn thì được phép kéo dài thời hạn quyết toán hợp đồng nhưng không vượt quá 120 ngày.

- * Hợp đồng xây dựng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng;
- Hợp đồng xây dựng bị chấm dứt hoặc hủy bỏ theo quy định của pháp luật.

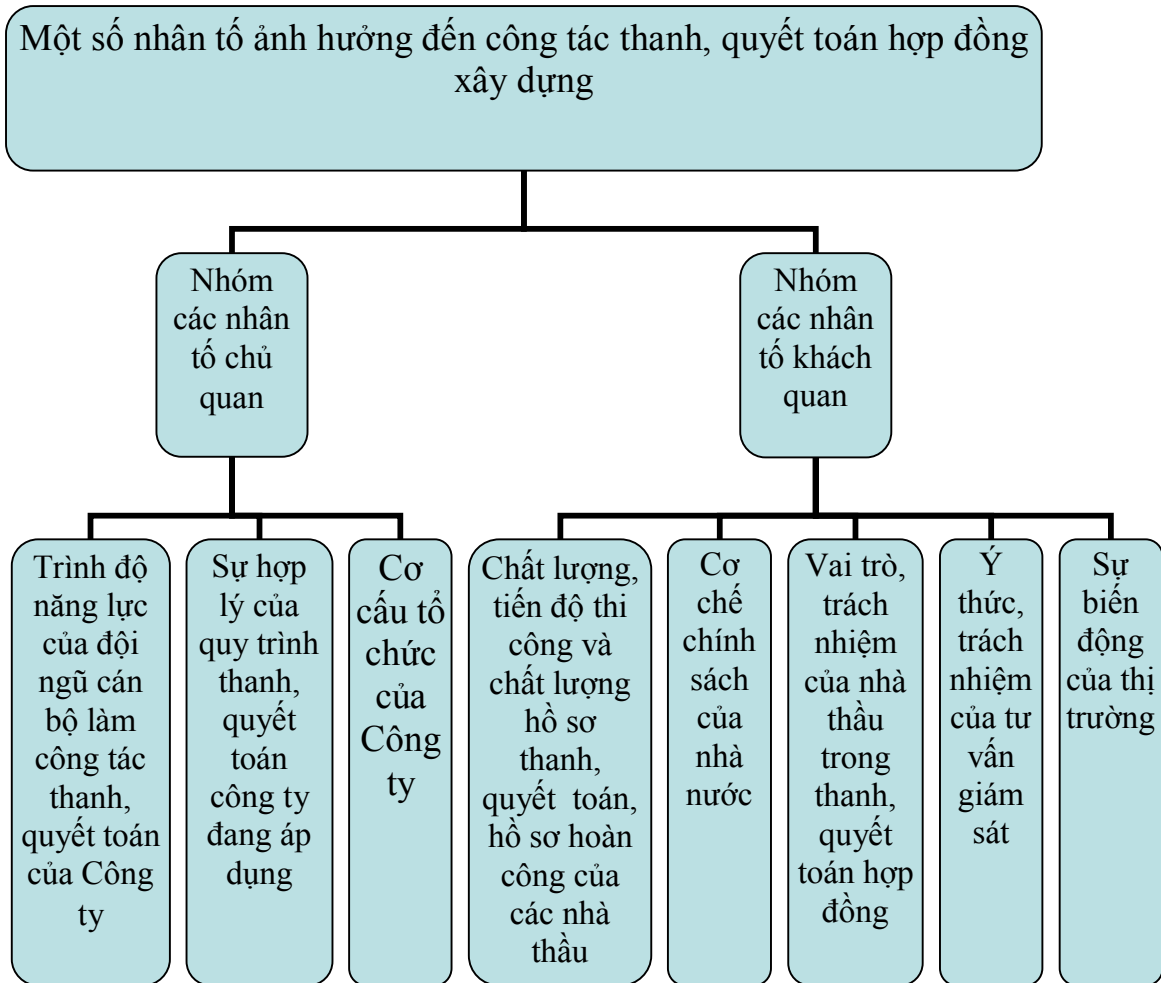
- * Thời hạn thanh lý hợp đồng xây dựng do các bên hợp đồng thỏa thuận.

- Đối với hợp đồng xây dựng sử dụng nguồn vốn nhà nước, thời hạn thanh lý hợp đồng là 45 ngày kể từ ngày các bên hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng hoặc hợp đồng bị chấm dứt trong trường hợp:

- + Bên nhận thầu thầu bị phá sản hoặc giải thể;
- + Bên nhận thầu từ chối hoặc liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng;
- Đối với các hợp đồng xây dựng có quy mô lớn, việc thanh lý hợp đồng có thể được kéo dài nhưng không quá 90 ngày.

1.4 Tầm quan trọng của thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng và các nhân tố ảnh hưởng đến công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng

Thanh, quyết toán hợp đồng là khâu cuối cùng và quan trọng của một hợp đồng xây dựng. Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng là cơ sở quan trọng để quyết toán dự án hoàn thành sau này. Thực tế công tác thanh toán, quyết toán hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu còn một số tồn tại nhất định do chịu ảnh hưởng của các nhân tố khách quan, chủ quan, cụ thể có thể kể đến một số nhân tố sau:



Hình 2.4: Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng

1.4.1 Nhóm các nhân tố chủ quan

- Trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác thanh, quyết toán của Công ty: Còn yếu, chưa chuyên môn hóa do hạn chế năng lực trong lĩnh vực xây dựng cơ bản nên không nắm rõ được trình tự, thủ tục quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và thanh, quyết toán hợp đồng theo quy định, chưa quan tâm đến trách nhiệm thanh, quyết toán khi hợp đồng xây dựng hoàn thành.

- Sự hợp lý của quy trình thanh, quyết toán mà Công đang áp dụng: Quy trình thực hiện công tác thanh, quyết toán và việc bố trí nhân sự thực hiện công tác thanh quyết toán hợp đồng xây dựng của Công ty chưa khoa học dẫn đến công tác này còn nhiều hạn chế, thực hiện chậm, làm ảnh hưởng đến tiến

độ của dự án. Vẫn còn bị chông chéo giữa quy trình thanh toán và quyết toán, còn khâu trung gian gây kéo dài thời gian.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty: Lực lượng lao động thực hiện công tác thanh, quyết toán ít, thay đổi nhân sự nhiều.

1.4.2 Nhóm các nhân tố khách quan

- Cơ chế chính sách của Nhà nước: Thay đổi nhiều, không kịp thời, không sát với thực tế, còn rườm rà, nhiều công đoạn dẫn đến mất nhiều thời gian cho công tác thanh, quyết toán.

- Chất lượng, tiến độ thi công và chất lượng hồ sơ thanh, quyết toán, hồ sơ hoàn công của các nhà thầu:

- + Chất lượng thi công công trình kém, chưa đạt yêu cầu dẫn đến việc phải sửa đi sửa lại nhiều làm ảnh hưởng tới quá trình nghiệm thu dẫn đến thanh toán chậm

- + Quá trình đưa vật liệu đầu vào chưa đúng quy định (Vật liệu chỉ định trong hợp đồng, chứng chỉ xuất xứ của vật liệu, biên bản giao nhận hàng, kết quả thí nghiệm, nghiệm thu vật liệu đầu vào). Nhưng đơn vị thi công thường không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên. Nhiều giai đoạn đơn vị thi công đưa vật liệu vào thi công với sự đồng ý của tư vấn giám sát mà thiếu chứng chỉ xuất xứ của vật liệu dẫn đến việc hoàn chứng chỉ vật liệu đầu vào rất là khó, không đủ điều kiện để quyết toán.

- + Hồ sơ hoàn công chưa khớp với thực tế thi công, chưa khớp với phần khối lượng được thanh toán dẫn đến việc phải sửa đi sửa lại bản vẽ.

- + Chất lượng thiết kế: Thiết kế chưa sát với thực tế thi công nên nhiều khi phải điều chỉnh lại thiết kế mất rất nhiều thời gian và tốn chi phí.

- Vai trò, trách nhiệm của nhà thầu trong thanh, quyết toán hợp đồng: Nhà thầu bố trí cán bộ làm công tác nội nghiệp thiếu và kém, khi thi công xong không tích cực phối hợp quyết toán, để lâu hồ sơ bị thất lạc, cán bộ thay đổi càng gặp khó khăn trong quyết toán, kéo dài thời gian quyết toán.

- Ý thức, trách nhiệm, trình độ nhiệm của tư vấn giám sát: Còn hạn chế, nhiều lúc còn ỷ nại cho chủ đầu tư; còn bị sự tác động của kinh tế thị trường dẫn đến gây khó khăn cho nhà thầu trong việc xác nhận khối lượng thi công, kéo dài thời gian nghiệm thu.

- Sự biến động của thị trường: Giá cả của nguyên nhiên vật liệu, nhân công biến động mạnh do chịu tác động của kinh tế trong nước và biến động của thị trường thế giới. Vì đặc thù của sản phẩm xây dựng phải thi công trong thời gian dài nên xảy ra tình trạng đơn giá xây dựng của gói thầu tại thời điểm thi công thường cao hơn so với lúc dự thầu. Do đó chủ đầu tư và nhà thầu phải tiến hành đàm phán điều chỉnh giá hợp đồng rất phức tạp và mất nhiều thời gian.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THANH, QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM

2.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

2.1.1 Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam là Công ty con của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Công ty được Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất số 0103018983 ngày 10/08/2007, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 28/5/2014 số: 0102345275.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

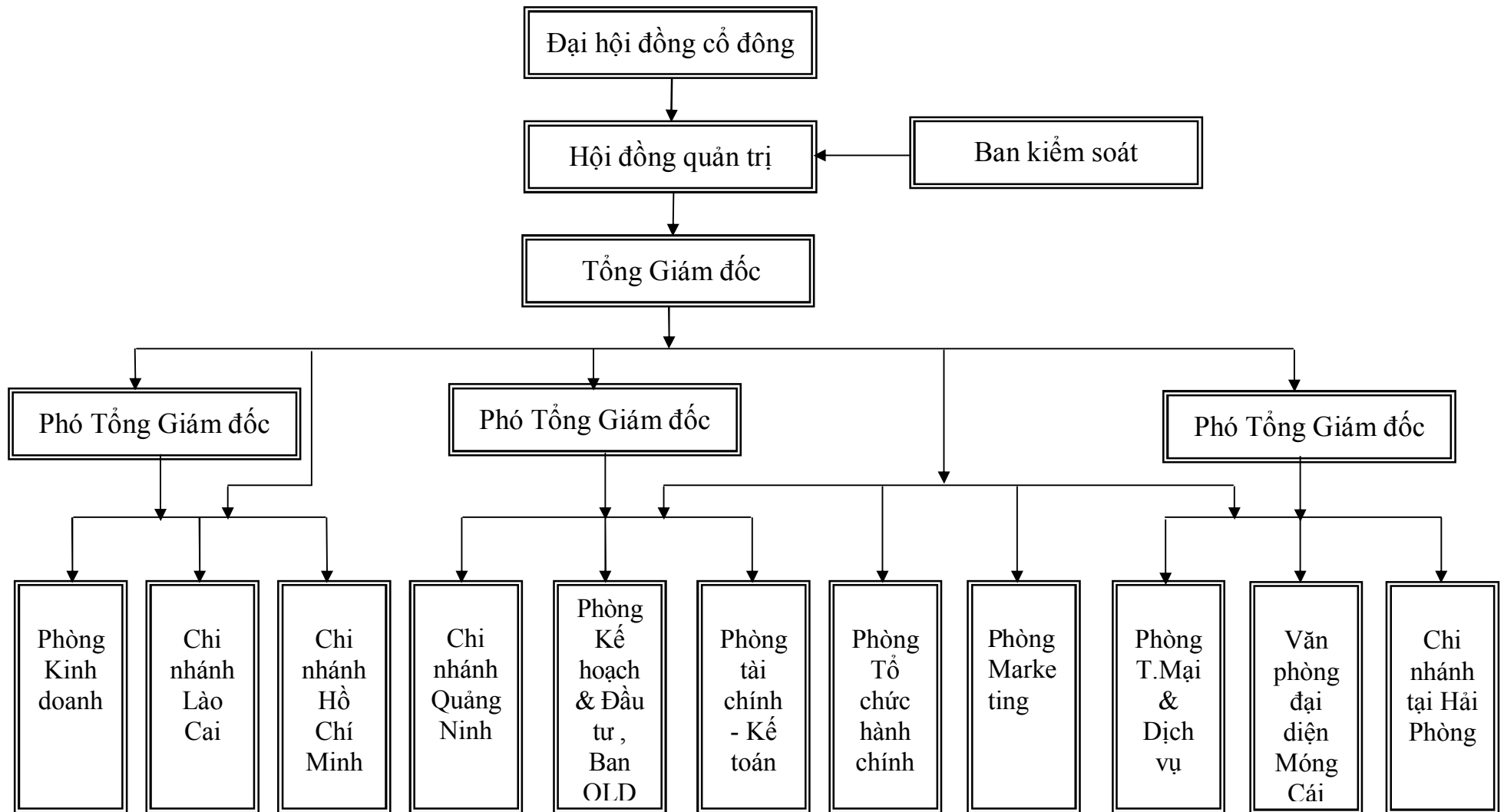
- Trụ sở chính: Phòng 405, Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam có các cổ đông chiến lược: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Cảng Hải Phòng, Cảng Sài Gòn, Công ty Liên doanh vận tải Việt Phát, Công ty Cổ phần đại lý Vận tải Việt Nam, Công ty Cổ phần đại lý vận tải SAFI, trong đó cổ đông nắm cổ phần chi phối là Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam: Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn cho khách hàng về việc vận chuyển, giao nhận lưu kho và các dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa; cho thuê phương tiện thiết bị chuyên dùng để bốc xếp, bảo quản và vận chuyển hàng hóa; vận tải đa phương thức, vận tải hàng hóa, container, hàng hóa siêu trường siêu trọng bằng đường bộ, đường sắt, đường biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; môi giới hàng hải, đại lý container; đại lý vận tải đường bộ, đường sắt, đường biển, hàng không; đại lý tàu biển; khai thuê hải quan; giao nhận hàng hóa nội địa, hàng hóa xuất nhập khẩu; kho bãi lưu giữ hàng hóa trong

kho ngoại quan, kho đông lạnh và kho khác; bốc xếp hàng hóa; Logistics; kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, môi giới thương mại, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam



Hình 2.5: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty được xây dựng theo đúng quy định về Công ty cổ phần trong Luật doanh nghiệp hiện hành, gồm các cấp sau:

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất Của Công ty.

- Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

- Ban kiểm soát có 3 thành viên do đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Công ty cũng đã xây dựng hệ thống quản lý theo đó bộ máy quản lý chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Trong đó:

- Tổng Giám đốc Công ty là người điều hành công việc hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty có 3 Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng. Các Phó Tổng giám đốc Công ty được phân công theo dõi từng lĩnh vực chuyên môn cụ thể gồm Phó Tổng Giám đốc thường trực phụ trách tài chính và đầu tư, Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh, Phó Tổng giám đốc phụ trách thương mại.

- Hệ thống phòng ban chuyên môn gồm có 06 phòng có chức năng gồm: Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kinh doanh, Phòng Thương mại & Dịch vụ, Phòng Marketing, phòng Kế hoạch & Đầu tư.

Các phòng có chức năng tham mưu và thực hiện các nhiệm vụ do Tổng giám đốc Công ty phân công theo từng lĩnh vực quản lý cụ thể theo quy chế hoạt động của Công ty. Trong đó Trưởng phòng Kế hoạch & Đầu tư kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Ban QLDA, nhân viên phòng Kế hoạch & Đầu tư

thực hiện kiêm nhiệm quản lý dự án.

- Hệ thống chi nhánh của Công ty: Chi nhánh Lào Cai, Chi nhánh Hải Phòng, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và văn phòng đại diện Móng Cái.

2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế tổ chức của Ban Quản lý dự án

Ban quản lý dự án Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam (gọi tắt là Ban QLDA) được thành lập theo quyết định số 1184/QĐ-TGĐ ngày 01/11/2008 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam. Ban QLDA là bộ phận giúp Chủ đầu tư quản lý, tổ chức thực hiện các dự án do Công ty là Chủ đầu tư.

Ban QLDA hoạt động theo điều lệ, quy chế hoạt động của Công ty, chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam. Ban QLDA không có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu và tài khoản của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam để hoạt động.

Ban QLDA là bộ phận đại diện của Chủ đầu tư trong việc quản lý các dự án do Công ty làm chủ đầu tư theo quyền hạn được ủy quyền và đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Ban QLDA hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Trụ sở Ban QLDA được đặt tại Phòng 405 tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Thời gian hoạt động của Ban QLDA phụ thuộc vào tiến độ thực hiện các dự án đầu tư do Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam làm Chủ đầu tư. Ban QLDA sẽ được giải thể theo quyết định của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.

2.1.3.1 Chức năng của Ban QLDA

Ban QLDA có chức năng thay mặt chủ đầu tư trực tiếp quản lý và điều hành việc thực hiện các dự án do Công ty là Chủ đầu tư theo đúng nội dung

quy định của Luật Đấu thầu, Luật xây dựng và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, Ngành liên quan về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.

2.1.3.2 Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban QLDA

Ban Quản lý dự án có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam trong công tác chuẩn bị, tổ chức quản lý dự án có hiệu quả, phù hợp với các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước theo đúng mục tiêu của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Thực hiện các thủ tục về giao nhận đất, xin cấp giấy phép xây dựng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình; phối hợp với nhà thầu tư vấn chuẩn bị hồ sơ thiết kế kỹ thuật – dự toán, tổng dự toán; hồ sơ thiết kế BVTC để thẩm tra và trình CĐT phê duyệt. Tự mình (với những gói thầu có quy mô nhỏ) hoặc kết hợp với các nhà thầu tư vấn lập kế hoạch đấu thầu, lập hồ sơ mời dự thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu trình CĐT hoặc cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Tổ chức đàm phán, thương thảo hợp đồng để CĐT ký hợp đồng với các nhà thầu tư vấn, xây dựng và cung cấp thiết bị.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng công trình khi có đủ điều kiện năng lực (hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ tư cách pháp nhân, đủ điều kiện năng lực để thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình).

- Trình CĐT nghiệm thu, thanh toán, quyết toán theo hợp đồng ký kết. Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn và vệ sinh môi trường của công trình xây dựng.

- Trình CĐT nghiệm thu, bàn giao công trình.

- Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm, báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Quản lý, sử dụng có hiệu quả chi phí để tổ chức thực hiện dự án theo

đúng quy định hiện hành của pháp luật.

- Có trách nhiệm báo cáo đầy đủ với CĐT các công việc được ủy quyền để CĐT xem xét, quyết định.

- Ngoài các nội dung nêu trên, trong quá trình thực hiện dự án, CĐT có thể ủy quyền cho Ban QLDA thực hiện một số nội dung công việc khác thuộc nhiệm vụ và quyền hạn mà CĐT yêu cầu.

2.1.3.3 Cơ cấu tổ chức của Ban QLDA

Bộ máy của Ban QLDA bao gồm 6 người: Giám đốc Ban QLDA, Phó Giám đốc Ban QLDA và 4 cán bộ chuyên môn phụ trách các công việc liên quan tới lĩnh vực Hành chính, Tài chính – Kế toán, Kinh tế - Kỹ thuật.

a. Giám đốc Ban QLDA:

- Giám đốc Ban QLDA do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VNLL bổ nhiệm, miễn nhiệm và làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

- Giám đốc Ban QLDA là người phụ trách chung các công tác tổ chức, hoạt động của Ban QLDA.

- Giám đốc Ban QLDA chịu trách nhiệm trước CĐT về mọi hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban QLDA.

b. Phó giám đốc Ban QLDA:

- Phó giám đốc Ban QLDA do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VNLL bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc ban QLDA.

- Phó giám đốc Ban QLDA là người phụ trách các công việc chuyên môn, kỹ thuật của Ban QLDA, cụ thể là các công việc sau:

- + Công tác kế hoạch, quản lý, tổ chức đấu thầu và bồi thường giải phóng mặt bằng;

- + Công tác quản lý kỹ thuật và thi công xây lắp;

- + Công tác mua sắm trang, thiết bị phục vụ dự án và vận hành thiết bị khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng;

- + Quản lý công tác tài chính, kế toán và các công việc tổ chức, hành chính khác.

Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước CĐT, Giám đốc Ban QLDA về mọi hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

c. Các cán bộ chuyên môn: Cán bộ của Ban QLDA là các chuyên viên đang công tác tại phòng Kế hoạch – Đầu tư, thực hiện công việc kiêm nhiệm. Cán bộ Ban QLDA do TGD Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Ban QLDA.

Các cán bộ chuyên môn được giám đốc ban QLDA phân công nhiệm vụ phụ trách các công việc liên quan tới lĩnh vực hành chính (1 người), Tài chính – Kế toán (1 người), Kinh tế - Kỹ thuật (2 người: 1 người giám sát hiện trường, 1 người phụ trách hồ sơ liên quan đến kinh tế - kỹ thuật).

2.2 Thực trạng công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

2.2.1 Các dự án Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam đang triển khai

2.2.1.1. Dự án đầu tư xây dựng Cảng nội địa (ICD) Lào Cai

Cảng nội địa (ICD) Lào Cai nằm trong khu công nghiệp Đông Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, là vị trí thuận lợi cho việc kinh doanh, khai thác các dịch vụ vận tải hàng hoá, cho thuê kho bãi và các dịch vụ khác. Mặt khác, với vị trí địa lý, kinh tế, địa chính trị thuận lợi, vai trò là cửa ngõ của Việt Nam trên tuyến kinh tế Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội - Hải Phòng. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai đã và đang trở thành cửa khẩu quan trọng, là điểm trung chuyển hàng hoá lớn trong hoạt động giao thương giữa Việt Nam, các nước ASEAN với miền Tây Nam, Trung Quốc. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng Cảng nội địa (ICD) Lào Cai là hết sức cần thiết. Cảng nội địa (ICD) là một địa điểm thông quan hàng hoá trong nội địa để hoàn tất các thủ tục xuất/nhập khẩu, nhận/gửi hàng bằng container. Đây sẽ là một đầu mối quan trọng trong hệ thống dịch vụ Logistics và chuyển tiếp hàng hoá giữa các phương thức vận tải.

Công ty CP Vinalines Logistics VN được Tổng Công ty giao làm Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng Cảng nội địa (ICD) Lào Cai với tổng mức đầu tư là 78 tỷ đồng. Sau khi tiếp nhận dự án, Công ty đã làm thủ tục với các ban ngành trên tỉnh Lào Cai và được UBND tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 12 121 000 082 ngày 28/3/2008 với thời gian hoạt động 49 năm và tổng diện tích thực hiện dự án là 4,796 ha. Dự án được phân kỳ đầu tư đảm bảo xây dựng hệ thống kho bãi hàng, đường sắt đầu nối từ cảng vào hệ thống đường sắt quốc gia, đường giao thông nội bộ, sân bãi và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ... Quý I/2013, Cảng nội địa (ICD) Lào Cai đã được đưa vào hoạt động đồng bộ với tuyến đường sắt đầu nối vào hệ thống đường sắt quốc gia. Bên cạnh đó, ICD Lào Cai cũng đã được đầu tư các trang thiết bị hiện đại như Cầu nâng chụm container 45T (02 chiếc), xe nâng 3tấn – 5tấn (04 chiếc), đầu kéo somi romooc (20 chiếc)... để phục vụ cho việc xếp dỡ hàng hóa tại cảng.

Sau khi đi vào hoạt động, ICD Lào Cai đã trở thành một điểm thông quan hàng hóa nội địa quan trọng của tỉnh Lào Cai nói riêng và các tỉnh Tây Bắc nói chung, góp phần thúc đẩy trao đổi thương mại giữa các doanh nghiệp hai nước Việt Nam - Trung Quốc và thúc đẩy lượng hàng hóa luân chuyển trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh-Lào Cai- Hà Nội- Hải Phòng. Hiện nay, tuyến cao tốc Hà Nội – Lào Cai đã được đưa vào khai thác cùng với việc tuyến đường sắt Hải Phòng – Hà Nội – Lào Cai đang được hoàn thiện và sẽ được đầu nối với đường sắt đi Côn Minh, Ngoài vai trò là một đầu mối giao thông vận tải hàng hóa quan trọng trong hệ thống dịch vụ Logistics nói chung và chuyển tiếp hàng hóa giữa các phương thức vận tải "từ cửa tới cửa" cho các cơ sở sản xuất, tiêu thụ, ICD Lào Cai còn là địa điểm để hoàn tất các thủ tục xuất/nhập khẩu, nhận/gửi hàng bằng Container. ICD Lào Cai đã thu hút được một lượng lớn hàng hóa quá cảnh của các nhà xuất khẩu Trung Quốc vào làm thủ tục trước khi vận chuyển về Cảng Hải Phòng để xuất đi tiếp, điều này đã đem lại hiệu quả cho chủ hàng cũng như các nhà vận tải, trung chuyển. Bên cạnh đó, ICD Lào Cai còn là điểm tập kết hàng hóa và làm thủ tục trước

khi xuất qua nước bạn Trung Quốc, tạo điều kiện cho việc xuất hàng nhanh chóng tại các cửa khẩu khu vực Lào Cai, hạn chế được những bất lợi về địa hình do các cửa khẩu đều nằm ở những khu vực đồi núi có diện tích mặt bằng hẹp.

Việc tập kết hàng hóa tại một địa điểm được đầu tư quy mô với đầy đủ trang thiết bị làm hàng như ICD Lào Cai đã làm giảm tác động lên hạ tầng đường xá, đảm bảo an ninh trật tự xã hội. Hạ tầng được phát triển đã gia tăng lượng hàng thông qua cảng cạn hiện tại và làm sức chứa đang quá tải. Từ nhu cầu thực tế khai thác, xếp dỡ hàng hóa qua cảng cũng như uy tín của đơn vị đối với các bạn hàng ngày càng được củng cố, đồng thời để triển khai các bước đầu tư dự án phù hợp với quy mô 10 ha đã được thường các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam đã đang tiếp tục triển khai thực hiện mở rộng dự án với phần diện tích mở rộng là 5,221ha.

2.2.1.2 Dự án Khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân

Cảng Cái Lân là cảng nước sâu lớn nhất khu vực miền Bắc, là cửa ngõ giao lưu thông thương với quốc tế của tam giác tăng trưởng kinh tế và vùng châu thổ sông Hồng. Khối lượng hàng hóa thông qua Cảng Cái Lân hiện nay ước đạt 2,778 triệu tấn/năm và dự báo đạt 21,7 triệu tấn/năm giai đoạn 2016-2020. Khu công nghiệp Cái Lân đang trong quá trình xây dựng và vận hành, nhu cầu cung ứng các dịch vụ hậu cần cho Cảng trong tương lai gần là rất lớn. Để phục vụ cho Cảng Cái Lân hoạt động tốt, Cảng rất cần khu hậu cần phục vụ cho các công việc tác nghiệp của Cảng và đáp ứng các nhu cầu làm việc, sinh hoạt của các cơ quan nghiệp vụ và tàu thuyền nước ngoài ra vào xuất nhập hàng hóa. Do vậy việc triển khai đầu tư xây dựng khu hậu cần cảng là hết sức cần thiết. Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân bao gồm các hạng mục công trình phục vụ cho hoạt động của các đơn vị hành chính và dịch vụ như: Trụ sở hải quan, biên phòng, thuế, ngân hàng, khách sạn, văn phòng đại diện. Ngoài ra còn có khu vực xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên đang công tác tại khu cảng nói riêng và khu công nghiệp Cái Lân nói chung đồng

thời đáp ứng được nhu cầu về nghỉ ngơi, mua sắm của thủy thủ, chuyên gia, khách du lịch đến thăm quan và làm việc tại khu vực.

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được giao làm chủ đầu tư dự án Khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân tại Phường Bãi Cháy (Công văn 4588/UBND-QH1 ngày 30/11/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam làm chủ đầu tư lô đất tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long với mục đích xây dựng Dự án Khu dịch vụ hậu cần Cái Lân và Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 18/1/2007 về việc thu hồi 196.998,1m² đất do Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long quản lý giao cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để thực hiện Dự án trên).

Công ty CP Vinalines Logistics VN là Công ty con của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, được Tổng Công ty giao làm Chủ đầu tư thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân theo Nghị quyết số 1347/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ngày 20/09/2007. Trong thời gian qua được sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng công ty, Công ty đã nỗ lực thực hiện các công việc đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, đảm bảo đúng trình tự thủ tục về đầu tư xây dựng cơ bản và đồng thời nâng cao thương hiệu của Tổng Công ty.

Sau một thời gian triển khai thực hiện các công việc của giai đoạn chuẩn bị đầu tư, khối lượng công việc đã đạt được như sau:

- Ngày 10/06/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cùng với đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long, Ủy ban nhân dân phường Bãi Cháy tổ chức bàn giao đất tại thực địa cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam phần đất đã GPMB với diện tích 55.312m² trên tổng số 196.998,1m². Tuy nhiên, phần diện tích trên chủ yếu là mặt nước, trong khi đó còn một số hộ dân nằm rải rác trong ranh giới khu đất chưa hoàn tất công tác GPMB nên Công ty chưa thể tiến hành ngay công tác san nền cho phần diện tích đất đã nhận bàn giao theo kế hoạch đề ra.

- Ngày 14/08/2008, UBND tỉnh Quảng Ninh có quyết định số 2585/QĐ-UBND về việc chấp thuận địa điểm khai thác đất tại khu đồi Ghềnh Táu để san nền khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân, sau đó đầu tư xây dựng khu kho bãi Container phục vụ các cầu cảng của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;

- Ngày 12/11/2008, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam có công văn số 1628/HHVN-KHĐT gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đề xuất phương án thuê đất và trả tiền hàng năm. Đồng thời Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam đã đề xuất tạm ứng trước nguồn kinh phí để đẩy nhanh công tác GPMB phần diện tích đất còn lại với Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long, Ban đền bù GPMB thành phố Hạ Long. Ngày 21/04/2009, UBND tỉnh Quảng Ninh có văn bản số 1255/UBND-QLĐĐ1 gửi Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam yêu cầu chuyển kinh phí chi trả tiền đền bù GPMB thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân. Công ty đã nghiêm túc chuyển kinh phí giải phóng mặt bằng cho Ủy ban tỉnh thông qua Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Hạ Long.

- Đến thời điểm hiện nay, Công ty đã thực hiện hoàn thiện một số nội dung:

+ Công ty đã tiến hành lập điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.

+ Công ty đã phối hợp chặt chẽ cùng với các sở ban ngành chức năng của Tỉnh để hoàn tất các thủ tục bàn giao đất

- Đã tiến hành thực hiện các thủ tục cần thiết tiến hành công tác rà phá bom mìn, vật nổ.

- Hoàn tất công tác khảo sát địa chất để phục vụ cho việc lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hạng mục san nền và phục vụ cho việc lập dự án đầu tư khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân.

- Triển khai đấu thầu gói thầu san nền khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân.
- Tiến hành các bước thủ tục đầu tư tiếp theo theo đúng các quy định.
- Hiện tại, Công ty đang tiến hành lập dự án đầu tư xây dựng.

2.2.1.3 Dự án xây dựng kho ngoại quan và Trung tâm Logistics

Dự án xây dựng Kho ngoại quan và Trung Tâm logistics Của công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam được Ban quản lý Khu CNC Hòa Lạc cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 012 21 000 045 ngày 30/12/2011 với thời gian hoạt động 49 năm với tổng diện tích thực hiện dự án là 2 ha và tổng mức đầu tư là 80 tỷ. Dự án được phân kỳ đầu tư để đảm bảo xây dựng hệ thống kho bãi hàng nhằm đáp ứng được tối đa nhu cầu vận chuyển hàng hóa trong khu vực. Sau khi đi vào hoạt động Kho ngoại quan và Trung Tâm logistics sẽ trở thành là một điểm thông quan hàng hóa nội địa quan trọng cho KCN nói riêng và cho vùng nói chung, góp phần thúc đẩy trao đổi thương mại giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Hiện nay, tuyến cao tốc Láng Hòa Lạc đã được đưa vào khai thác là một đầu mối giao thông vận tải hàng hóa quan trọng và là con đường huyết mạch trong hệ thống dịch vụ Logistics nói chung và chuyển tiếp hàng hóa giữa các phương thức vận tải "từ cửa tới cửa" cho các cơ sở sản xuất trong khu công nghệ cao đến nơi tiêu thụ. Kho ngoại quan và Trung Tâm logistics được nối liền với con đường huyết mạch này vừa là địa điểm để hoàn tất các thủ tục xuất/nhập khẩu, nhận/gửi hàng bằng Container còn là nơi tập kết hàng hóa tại một địa điểm (được đầu tư quy mô với đầy đủ trang thiết bị làm hàng như Kho ngoại quan và Trung Tâm logistics) đã làm giảm tác động lên hạ tầng đường xá, đảm bảo an ninh trật tự xã hội. Hạ tầng được phát triển đã gia tăng lượng hàng thông qua cảng cạn hiện tại và làm sức chứa đang quá tải.

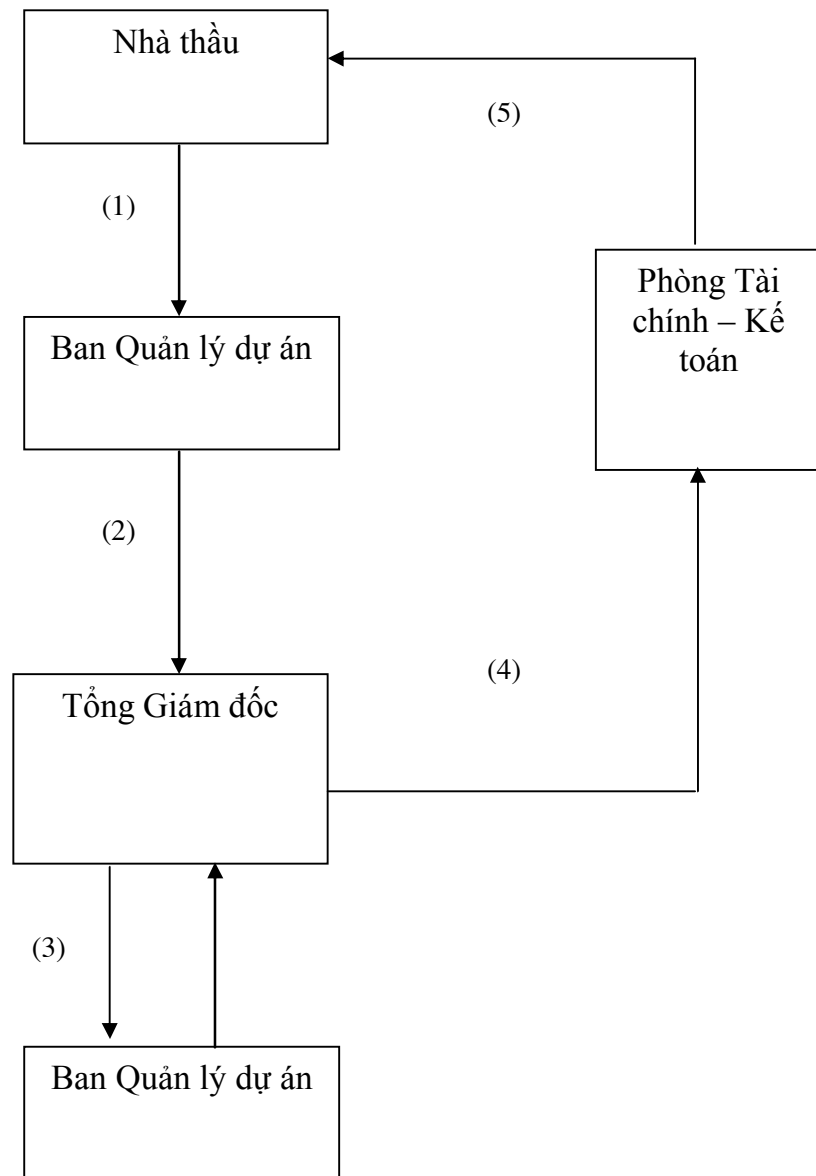
Việc triển khai thực hiện dự án đã và đang được Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam đẩy nhanh từ khi nhận được giấy chứng nhận đầu tư. Cụ thể, đơn vị đã tiến hành khảo sát thực địa, nên các phương án xây dựng để đảm bảo

đúng theo tinh thần của Giấy Chứng Nhận đầu tư được BQL DA Hòa Lạc cung cấp. Tuy nhiên, việc thực hiện đã bị chậm tiến độ do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Công ty CP VNLL đã liên tục thúc đẩy công tác giải phóng mặt bằng theo đúng diện tích đã được cung cấp nhưng đến nay vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, để đảm bảo tính khẩn trương thực hiện dự án, Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam tiến hành triển khai dự án, chia làm 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 thực hiện trên phần đất đã được giải tỏa (cụ thể là 1,5552ha) để hoàn thiện thủ tục đầu tư, phần còn lại 0,4448ha sẽ được thực hiện ở giai đoạn sau, ngay sau khi mặt bằng được giải tỏa hoàn thiện. Hiện tại Công ty VNLL đang liên kết với công ty TNHH Một thành viên Phát triển khu CNC Hòa Lạc tiến hành triển khai thực hiện dự án.

2.2.2 Trình tự thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

2.2.2.1 Trình tự thanh toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

Hiện tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam chưa có quy trình thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng được phê duyệt và triển khai áp dụng chính thức. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện công việc thanh toán hợp đồng xây dựng tại Công ty trong nhiều năm qua, tác giả xin mô tả lại trình tự thanh toán hợp đồng xây dựng theo sơ đồ dưới đây:



Hình 2.6: Trình tự thanh toán tại Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam

(1) Nhà thầu gửi hồ sơ nghiệm thu và hồ sơ thanh toán đến Tư vấn giám sát để kiểm soát và xác nhận khối lượng thực tế thi công. Nhà thầu lập Hồ sơ này sau khi có xác nhận của nhà thầu và Tư vấn giám sát sau đó nhà thầu chuyển cho Ban Quản lý dự án của Công ty để kiểm tra và xác nhận phần giá trị thực tế nhà thầu thực hiện.

(2) Ban Quản lý dự án Công ty sau khi kiểm tra toàn bộ hồ sơ chất lượng, khối lượng, hồ sơ giá trị nhà thầu nộp. Sau khi xem xét và hoàn thiện

hồ sơ, Ban QLDA trình Tổng Giám đốc ký xác nhận phía chủ đầu tư. Hồ sơ hoàn thiện được xác nhận đầy đủ bởi CĐT, Tư vấn giám sát, Nhà thầu. Ban QLDA sẽ tiến hành làm tờ trình đề nghị thanh toán kèm theo hồ sơ thanh toán hoàn thiện gửi Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc ký xác nhận duyệt thanh toán và gửi lại Ban QLDA.

(3) Ban QLDA bàn giao đề nghị thanh toán và hồ sơ thanh toán hoàn thiện kèm theo chuyển cho phòng Tài chính – Kế toán.

(4) Phòng Tài chính – Kế toán trình Tổng Giám đốc ký Ủy nhiệm chi

(5) Phòng Tài chính – Kế toán sẽ chi trả kinh phí cho nhà thầu thông qua ngân hàng.

Qua trình tự trên, tác giả nhận thấy hạn chế của trình tự thanh toán hợp đồng xây dựng là:

+ Trình tự này còn mang tính khép kín trong nội bộ Ban QLDA, chưa có sự kiểm soát chặt chẽ của phòng Tài chính – Kế toán, phòng Tài chính – Kế toán còn lúng túng trong công tác theo dõi các hợp đồng của các dự án của chủ đầu tư trước khi giải ngân cho các nhà thầu cụ thể nhiều hợp đồng tư vấn xây dựng của dự án này lại theo dõi sang hợp đồng tư vấn của dự án khác.

+ Công tác kiểm tra đôn đốc nội bộ Ban QLDA chưa sát sao; Chưa có các quy định cụ thể, hình thức xử lý về việc cán bộ xử lý chậm hồ sơ thanh toán.

+ Phân định trách nhiệm các cá nhân và trách nhiệm các phòng chưa cụ thể, còn có sự chồng chéo.

Đối với hồ sơ đề nghị thanh toán, Giám đốc Ban QLDA Công ty yêu cầu nhà thầu tập hợp nộp tại ban Quản lý dự án gồm các loại tài liệu sau:

➤ **Trường hợp tạm ứng:** Hồ sơ đề nghị tạm ứng bao gồm:

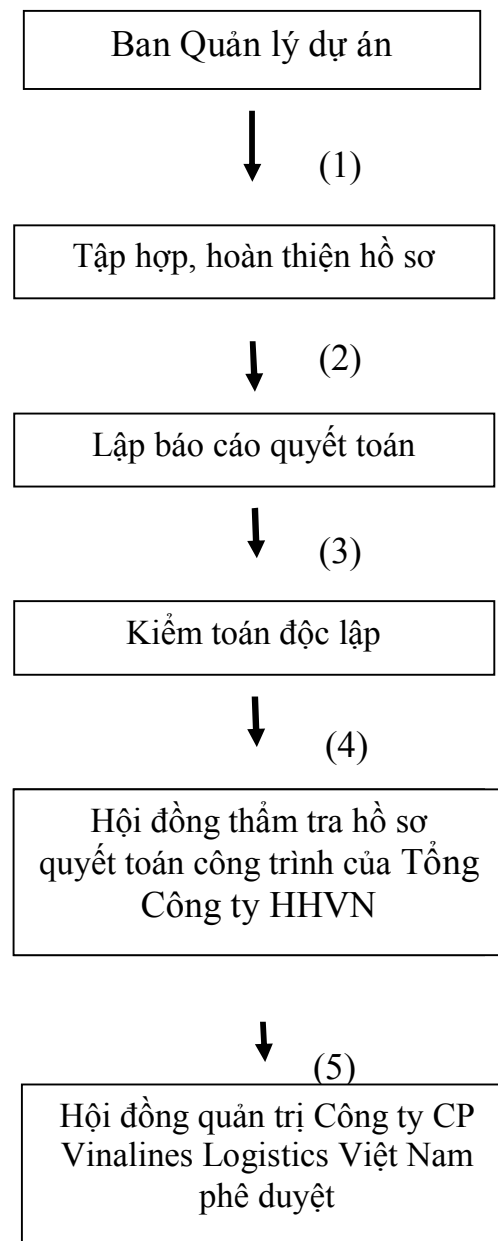
- Đơn đề nghị tạm ứng của Nhà thầu;
- Bảo lãnh tạm ứng;
- Hợp đồng xây dựng đã được ký kết giữa Công ty và Nhà thầu;
- Quyết định trúng thầu (hoặc quyết định chỉ định thầu) của Nhà thầu.

➤ **Trường hợp thanh toán khối lượng hoàn thành:** Hồ sơ gồm có:

- Hợp đồng xây dựng được ký kết giữa Công ty và Nhà thầu;
- Phụ lục hợp đồng (nếu có);
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- Quyết định trúng thầu (chỉ định thầu);
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có trong hợp đồng;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành phát sinh (nếu có);
- Biên bản chấp thuận khối lượng công việc phát sinh của các bên liên quan (Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát, Tư vấn thiết kế thi công);
- Bảng tính giá trị cho những công việc hoàn thành theo hợp đồng;
- Bảng tính giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có);
- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán;
- Công văn đề nghị thanh toán của Nhà thầu cho các khối lượng công việc có trong hợp đồng và khối lượng công việc phát sinh (nếu có);
- Văn bản chấp thuận gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng của Chủ đầu tư với những hợp đồng quá thời hạn thực hiện;
- Văn bản đề nghị chấp thuận thanh toán khối lượng công việc cho Nhà thầu do Ban QLDA gửi Tổng Giám đốc;
- Chữ ký duyệt thanh toán do Tổng Giám đốc phê duyệt trên văn bản đề nghị chấp thuận thanh toán của Ban QLDA;
- Ủy nhiệm chi được ký xác nhận bởi chủ tài khoản và kế toán trưởng.

2.2.2.1 Trình tự quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

Cũng như công tác thanh toán, hiện Công ty cũng chưa có quy trình thực hiện quyết toán hợp đồng xây dựng được phê duyệt. Qua quá trình làm công tác này, tác giả xin được trình bày công tác quyết toán theo sơ đồ dưới đây:



Hình 2.7: Trình tự quyết toán các dự án tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

- (1) Ban QLDA Công ty tập hợp, hoàn thiện các hồ sơ của các gói thầu thuộc dự án
- (2) Sau khi hồ sơ các gói thầu đã đầy đủ, Ban QLDA lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trình Tổng Giám đốc và kế toán trưởng ký duyệt.
- (3) Ban QLDA làm tờ trình đề nghị TGD lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và ra

báo cáo kiểm toán độc lập.

(4) Sau khi có báo cáo quyết toán, Công ty sẽ trình hồ sơ quyết toán lên Hội đồng thẩm tra quyết toán của Tổng Công ty.

(5) Sau khi thẩm tra quyết toán, hội đồng thẩm tra lập hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành để trình hội đồng quản trị phê duyệt.

Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán gồm có: Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán, dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và các tài liệu do chủ đầu tư trình (kèm theo)

Qua trình tự trên, tác giả nhận thấy hạn chế của trình tự quyết toán hợp đồng xây dựng là:

- Trình tự này còn mang tính khép kín trong nội bộ Ban QLDA, chưa có sự phối hợp giữa Ban QLDA và các phòng liên quan trong Công ty do đó thời gian lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành thường bị kéo dài.
- Cán bộ kiểm tra hồ sơ của ban QLDA thường kiểm tra trên bản vẽ, các dự án hiện trường ở xa nên cán bộ hoàn thiện hồ sơ ở văn phòng chưa có cơ hội tiếp cận thực tế, phần lớn số liệu hồ sơ kiểm tra trên cơ sở xác nhận số liệu từ tư vấn giám sát và cán bộ giám sát của Chủ đầu tư. Khi có số liệu sai lệch về khối lượng giữa thiết kế và thực tế cán bộ còn bị lúng túng trong kiểm soát khối lượng quyết toán.
- Khi công trình đến giai đoạn quyết toán, công việc phần lớn tập trung nhiều ở cán bộ kinh tế - kỹ thuật, các cán bộ khác số lượng công việc ít, không hỗ trợ về chuyên môn cho cán bộ làm quyết toán.

2.2.3 Công tác thanh, quyết toán một số hợp đồng tiêu biểu tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

2.2.3.1. Dự án đầu tư xây dựng Cảng nội địa (ICD) Lào Cai

a. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Cảng nội địa (ICD) Lào Cai
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

- Cấp quyết định đầu tư: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam
- Địa điểm xây dựng: Lô F9, F10 khu Công nghiệp Đông Phố Mới, Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Quy mô công trình:
 - + Được duyệt: 47.962 m²
 - + Thực hiện: 47.962 m²
- Các thông số kỹ thuật chủ yếu:
 - + Đường bãi nội bộ: Tải trọng thiết kế đường bãi: Ô tô H30; XB80 cao độ bãi trung bình là +92,25m
 - + Kho hàng tổng hợp: Diện tích xây dựng: 3.780m², chiều cao cột kho: 6,5m, Bước cột: 6,0m., Chiều dài kho: 90m, Chiều rộng kho: 36m, Hiên kho rộng: 3m
 - + Cổng, tường rào, trạm bảo vệ, nhà vệ sinh:
 - Cổng: Cổng chính rộng 15m dạng Barie tự động, được đóng mở bằng động cơ điện.
 - Tường rào:

Tường rào loại 1: Phía giáp đường sắt và ô số 12, có chiều dài 707m, được thi công trong giai đoạn đầu của dự án, gồm có cọc BTCT M200 kích thước 10x10x250cm, khoảng cách 3m/cọc, dây thép gai liên kết với các cọc.

Tường rào loại 2: Phía đường trục khu công nghiệp, giáp ô số 9, có tổng chiều dài 1030m, kết cấu móng cột bằng BTCT M200, tiết diện 140x80cm, tường xây gạch chỉ M75 cao 1,9m, phía trên là hoa sắt cao 1,6m
 - Trạm bảo vệ: Nhà khu nhôm kính, diện tích 2x2m, cao 2,8m
 - Nhà vệ sinh: Diện tích 2,5x7,2m, cao 3,25m, kết cấu tường gạch chỉ chịu lực, mái bằng BTCT M200.
 - + Mạng công trình kỹ thuật:

- Mạng cấp điện: Nguồn điện được lấy trực tiếp từ tuyến cáp ngầm 35 (110KV) cấp điện chính chạy dọc đường trục chính KCN Đông Phố Mới. Trong cảng xây 1 trạm kín biến áp 560KV. Toàn bãi bố trí 5 cột đèn pha chiếu sáng bằng thép cao 18m.
- Mạng cấp nước: Nguồn nước vào cảng ICD đầu nối trực tiếp vào đường ống $D = 160\text{mm}$ của KCN dọc đường trục chính, tuyến ống cấp nước nội bộ chôn ngầm bằng PVC với đường kính ống $D=110\text{mm}$, $D=60\text{mm}$. Hệ thống cứu hỏa trong cảng bằng các trụ cứu hỏa 2 vòi $d=60$ & $d=50\text{mm}$.
- Mạng thoát nước: Thoát nước mặt bãi theo đường phân thủy dọc theo cảng từ phía Tây Bắc sang phía Đông Nam; phần phía sau cảng nước mặt thoát tự nhiên theo độ dốc bãi 0,3% ra mương hở phía sau dưới chân kè đường sắt và kè bảo vệ taluy phía lô F10; phần phía trước cảng nước mặt chảy theo độ dốc bãi 0,3% về các ga thu nước và chảy theo hệ thống cống ngầm BTCT loại $d=600$ & $d=800\text{mm}$ đặt dọc phía trong tường rào phía đường trục chính KCN và thoát theo mương thoát nước đã xây dựng dọc theo mép đường trục chính KCN.

- Nguồn vốn: Vốn tự có

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

- Thời gian thực hiện: Khởi công năm 2008, hoàn thành theo tiến độ cấp vốn.

b. Công tác thanh, quyết toán một số hợp đồng tiêu biểu:

Công ty đã tiến lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập tiến hành kiểm toán. Đơn vị kiểm toán có nhận xét như sau:

- Trong quá trình đầu tư dự án đầu tư xây dựng cảng nội địa (ICD) Lào Cai, nhìn chung Chủ đầu tư đã thực hiện theo đúng các quy định về trình tự và thủ tục trong quản lý đầu tư và xây dựng trong từng thời kỳ.

- Danh mục và nội dung các văn bản pháp lý liên quan đến quá trình đầu tư dự án phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước.
- Công tác lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và tư vấn cho dự án:
 - + Việc lựa chọn nhà thầu của dự án nói chung đã được Chủ đầu tư thực hiện đúng theo Luật đấu thầu.
- Các hợp đồng kinh tế được kí kết đúng thẩm quyền. Nội dung các hợp đồng tuân thủ đúng pháp luật về hợp đồng kinh tế và các quy định pháp lý có liên quan khác.
 - + Các hợp đồng thi công xây dựng đều được cấp có thẩm quyền phê duyệt và ký kết theo đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền.
 - + Hiện tại, công việc thi công xây dựng công trình đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng.
- Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:
 - + Về tình hình quyết toán của dự án đề nghị quyết toán: Khối lượng và giá trị quyết toán nhìn chung phù hợp với khối lượng nghiệm thu, hoàn công và đơn giá theo hợp đồng, dự toán được duyệt cũng như điều chỉnh đơn giá theo đúng quy định của Nhà nước.
 - + Đối với chi phí QLDA, chi phí Tư vấn ĐTXD và Chi phí khác: Chủ đầu tư đã thực hiện các khoản mục chi phí đề nghị quyết toán phù hợp với định mức quy định, dự toán đã được phê duyệt của cấp có thẩm quyền, hợp đồng được ký giữa các bên cũng như tài liệu, hồ sơ chứng từ được cung cấp.
 - + Quy trình và thủ tục lập hồ sơ thanh toán và hạch toán các khoản chi phí đầu tư phát sinh tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước, Quy chế tài chính của Đơn vị và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, phù hợp với thỏa thuận hợp đồng đã ký giữa các Bên.
- Về tiến độ thực hiện các hợp đồng:
 - + Căn cứ các biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu – Dự án: xây dựng cảng nội địa

(ICD) Lào Cai giai đoạn I, gói thầu xây lắp bị chậm tiến độ so với cam kết trong hợp đồng.

b1. Hợp đồng số 1799/HĐ-XD ngày 01/01/2008

- Nội dung hợp đồng: Thiết kế bản vẽ thi công một số hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư xây dựng Cảng nội địa (ICD) Lào Cai
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày
- Giá trị hợp đồng: 468.307.277 VNĐ
- Giá trị quyết toán, thanh lý: 471.447.656 VNĐ
- Thời gian lập hồ sơ quyết toán: 25/6/ 2015
- Thời gian thanh lý hợp đồng: 22/10/2015
- Chi tiết các đợt thanh, quyết toán:

Bảng 1.2: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 1799/HĐ-XD

c	Đợt thanh toán	Giá trị hồ sơ thanh toán	Ngày thanh toán	Ghi chú
1	Đợt 01	140.492.183	15/1/2008	
2	Đợt 02	142.025.037	20/3/2008	
3	Đợt 03	188.930.436	25/10/2015	
	Tổng cộng	471.447.656		
<i>Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi sáu đồng./.</i>				

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Hợp đồng có giá trị quyết toán lớn hơn giá trị ký kết ban đầu:
- Nguyên nhân: Giá trị hợp đồng là giá trị tạm tính, Giá trị quyết toán được tính toán trên cơ sở giá trị các hạng mục công trình xây dựng + thiết bị sau thẩm tra nhân với định mức chi phí thiết kế được quy định trong quyết định 1751/BXD-VP ngày 14/8/2007.

b2. Hợp đồng số 05/2008-HĐKT ngày 28/2/2008 giữa Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam và Chi nhánh Cty CP tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt nam (VCC) - Trung tâm khoa học công nghệ xây dựng

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói
- Nội dung hợp đồng: Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình thuộc dự án (ICD) Lào Cai
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày
- Giá trị hợp đồng: 40.000.000 VNĐ
- Giá trị quyết toán A-B: 40.000.000 VNĐ
- Thời gian lập hồ sơ quyết toán: 22/7/2008
- Thời gian thanh lý hợp đồng: 20/7/2008
- Chi tiết các đợt thanh, quyết toán:

Bảng 1.3: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 05/2008-HĐKT

STT	Đợt thanh toán	Giá trị hồ sơ thanh toán	Ngày thanh toán	Ghi chú
1	Đợt 01	20.000.000	09/3/2008	
2	Đợt 02	20.000.000	22/7/2008	
	Tổng cộng	40.000.000		
<i>Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng./.</i>				

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Hợp đồng có giá trị quyết toán bằng giá trị ban đầu. Công ty thanh toán theo đúng tiến độ đã ký kết trong hợp đồng.

b3. Hợp đồng số 368/2008/HĐ-KT/CONINCO/T.TQ ký ngày 30/8/2008 giữa Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng Conico

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói
- Nội dung hợp đồng: Thẩm tra dự toán; lập HSMT và đánh giá kết quả hồ sơ dự thầu.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày
- Giá trị hợp đồng: 74.880.000 VNĐ
- Giá trị quyết toán A-B: 74.880.000 VNĐ
- Thời gian lập hồ sơ quyết toán: 16/10/2008
- Thời gian thanh lý hợp đồng: 20/10/2008
- Chi tiết các đợt thanh, quyết toán:

Bảng 1.4: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 368/2008/HĐ-KT/CONINCO/T.TQ

STT	Đợt thanh toán	Giá trị hồ sơ thanh toán	Ngày thanh toán	Ghi chú
1	Đợt 01	29.952.000	19/1/2009	
2	Đợt 02 (đợt cuối)	44.928.000	27/2/2009	
	Tổng cộng	74.880.000		
<i>Bằng chữ: Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng./.</i>				

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Hợp đồng có giá trị thấp tuy nhiên thời gian thanh toán tương đối dài: Lần thanh toán cuối sau 4 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.
- b4. Hợp đồng số 10/2008/VNLL-HĐXL ngày 29/12/2008 giữa Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt nam với Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng (CJSC) và Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phúc Tiến Vĩnh Phúc (PHT)
- Nội dung hợp đồng: Thi công xây lắp và cung cấp lắp đặt thiết bị công trình
 - Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh
 - Thời gian thực hiện hợp đồng: 300 ngày
 - Giá trị hợp đồng: 25.083.087.000 VNĐ
 - Giá trị phụ lục hợp đồng: 1.350.997.000 VNĐ
 - Giá trị quyết toán A-B: 25.291.560.762 VNĐ

- Thời gian lập hồ sơ quyết toán: 25/6/2015

- Chi tiết các đợt thanh toán:

Bảng 1.5: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 10/2008/VNLL-HĐXL

STT	Nội dung	Giá trị	Ngày thanh toán
1	Tạm ứng	7.584.926.000	Ngày 23/01/2009
2	Thanh toán		
	Đợt 01:	4.940.819.000	Ngày 08/9/2009
	Đợt 02:	2.171.014.000	Ngày 03/12/2009
	Đợt 03:	3.494.374.000	Ngày 31/12/2009
	Đợt 04:	1.847.994.000	Ngày 11/02/2010
	Đợt 05:	1.866.431.000	Ngày 31/3/2010
	Đợt 06:	1.611.545.000	Ngày 24/9/2010
	Đợt 07:	1.345.807.000	Ngày 16/1/2013
	Tổng cộng	24.862.910.000	
	Giá trị còn lại chưa thanh toán	428.650.762	

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Gói thầu có giá trị quyết toán A-B thấp hơn giá trị hợp đồng do các bên tính toán lại giá trị gói thầu theo khối lượng và đơn giá thực tế tại thời điểm thi công. Hợp đồng chưa thanh lý chờ kết quả phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của hội đồng quản trị công ty.

b5. Hợp đồng số 01/2009/VNLL-HĐ-TVGSXD ngày 12/01/2009 giữa Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam và Công ty CP tư vấn Kiểm định & Khảo sát xây dựng

- Nội dung hợp đồng: Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình Cảng nội địa (ICD) Lào Cai

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Theo tiến độ của gói thầu xây lắp

- Giá trị hợp đồng: 436.913.000 VNĐ

- Giá trị quyết toán A-B: 442.376.888 VNĐ
- Giá trị thanh lý hợp đồng: 442.376.888 VNĐ
- Thời gian lập hồ sơ quyết toán: 25/02/2015
- Chi tiết các đợt thanh, quyết toán:

**Bảng 1.6: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng
số 01/2009/VNLL-HĐ-TVGSXD**

STT	Đợt tạm ứng, thanh toán	Giá trị thanh toán	Ngày thanh toán	Ghi chú
1	Tạm ứng	109.228.000	03/4/2009	
2	Thanh toán đợt 01	172.970.000	11/02/2010	
3	Thanh toán đợt 02	110.257.000	26/1/2011	
4	Thanh toán đợt 03	49.921.888	27/4/2015	
	Tổng cộng	442.376.888		
<i>Bảng chữ: Bốn trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi tám đồng./.</i>				

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Đến thời điểm hiện nay hợp đồng đã được thanh lý, Chủ đầu tư đã thanh toán hết số tiền cho nhà thầu. Tuy nhiên công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng năm 2013 đồng nghĩa với công việc tư vấn giám sát kết thúc cùng thời điểm, tới năm 2015 Chủ đầu tư mới thanh toán cho nhà thầu lần cuối.

- Nguyên nhân: Giá trị thanh toán lần cuối còn ít nên nhà thầu không chủ động lập và gửi hồ sơ quyết toán cho Chủ đầu tư. Tới khi Chủ đầu tư thúc dục mới làm hồ sơ quyết toán, hồ sơ quyết toán gửi tới chủ đầu tư chậm nên tiến độ thanh toán lần cuối chậm hơn so với tiến độ hai bên đã ký kết trong hợp đồng.

b6. Hợp đồng số 06/2011/HĐKT – XLICD ngày 18/10/2011 ký giữa Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam và Công ty Cổ phần Công

trình 6

- Nội dung hợp đồng: Thi công xây dựng công trình đường sắt và thông tin tín hiệu
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 200 ngày
- Giá trị hợp đồng: 11.003.870.000 VNĐ
- Giá trị quyết toán A-B: 12.581.626.636 VNĐ
- Giá trị thanh lý hợp đồng: Hợp đồng chưa thanh lý
- Thời gian lập hồ sơ quyết toán: 12/2015
- Chi tiết các đợt tạm ứng, thanh toán:

Bảng 1.7: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 06/2011/HĐKT – XLICD

STT	Đợt tạm ứng, thanh toán	Giá trị (VNĐ)	Ngày thanh toán	Ghi chú
1	Tạm ứng	2.200.774.000	21/10/2011	20% Giá trị hợp đồng
2	Thanh toán đợt 01	1.114.984.000	12/01/2012	
3	Thanh toán đợt 02	1.021.115.000	21/4/2012	
4	Thanh toán đợt 03	783.533.0000	25/7/2012	
5	Thanh toán đợt 04	1.917.357.000	09/11/2012	
6	Thanh toán đợt 05	2.167.200.000	20/12/2012	
7	Thanh toán đợt 06	2.211.853.000	10/11/2013	
8	Thanh toán đợt 07	700.000.000	30/8/2016	
	Tổng cộng	12.581.626.636		
	Còn lại chưa thanh toán	464.810.636		

Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tư triệu tám trăm mười nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng./.

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Hợp đồng được ký kết năm 2011, thi công hoàn thành năm 2013 nhưng tới năm 2015 Chủ đầu tư và Nhà thầu mới thống nhất được giá trị quyết toán gói thầu.

- Nguyên nhân: Do gói thầu phải điều chỉnh giá vật liệu, nhân công, máy thi công nên Chủ đầu tư và Nhà thầu còn lúng túng trong công tác quyết toán gói thầu.

b7. Hợp đồng số 03/2016/HĐTV ngày 30/9/2015 giữa Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam và Công ty CP Tư vấn thiết kế - Đầu tư xây dựng và thương mại Việt

- Nội dung hợp đồng: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng nội địa (ICD) Lào Cai – Giai đoạn mở rộng

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày

- Giá trị hợp đồng: 295.138.000 VNĐ

- Giá trị quyết toán A-B: 295.138.000 VNĐ

- Giá trị thanh lý hợp đồng: 295.138.000 VNĐ

- Thời gian lập hồ sơ quyết toán: 30/8/2016

- Thời gian thanh lý hợp đồng: 06/9/2016

- Tiến độ thanh toán theo hợp đồng:

+ Lần 1: Sau khi Nhà thầu hoàn thành các hồ sơ để Chủ đầu tư thực hiện công tác thẩm định thì Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu 50% giá trị hợp đồng.

+ Lần 2: Sau khi Nhà thầu hoàn thành các hồ sơ theo ý kiến thẩm định, Chủ đầu tư thanh toán tiếp cho nhà thầu 30% giá trị hợp đồng.

+ Lần 3: Sau khi có Quyết định phê duyệt dự án, Chủ đầu tư sẽ làm thủ tục quyết toán với Nhà thầu và sẽ thanh toán toàn bộ chi phí tư vấn còn lại cho Nhà thầu theo giá trị công tác tư vấn được duyệt.

- Chi tiết các đợt thanh toán:

Bảng 1.8: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 03/2016/HĐTV

STT	Đợt tạm ứng, thanh toán	Giá trị thanh toán (VNĐ)	Ngày thanh toán	Ghi chú
1	Thanh toán đợt 01	147.569.000	28/10/2015	50% giá trị hợp đồng
2	Thanh toán đợt 02	88.541.000	16/11/2015	30% giá trị hợp đồng
3	Thanh toán đợt cuối	59.0258.000	08/9/2016	
	Tổng cộng	295.138.000		
Bằng chữ: Hai trăm chín mươi lăm triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng./.				

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam đã hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng theo đúng tiến độ đã ký kết trong hợp đồng.

b8. Hợp đồng số 03/2016/HĐTV ngày 16/3/2016 giữa Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam và Công ty TNHH MTV tư vấn môi trường Anh Tuấn

- Nội dung hợp đồng: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Cảng nội địa (ICD) Lào Cai – Giai đoạn mở rộng.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày
- Giá trị hợp đồng: 143.034.100 VNĐ
- Giá trị quyết toán A-B: 143.034.100 VNĐ
- Giá trị thanh lý hợp đồng: 143.034.000 VNĐ
- Thời gian lập hồ sơ quyết toán: 26/9/2016
- Thời gian thanh lý hợp đồng: 30/9/2016
- Chi tiết các đợt thanh, quyết toán:

Bảng 1.9: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 03/2016/HĐTV

STT	Đợt tạm ứng, thanh toán	Giá trị thanh toán	Ngày thanh toán	Ghi chú
1	Tạm ứng	21.455.100	18/3/2016	
2	Thanh toán đợt 01	100.123.8000	29/4/2016	
3	Thanh toán đợt cuối	21.455.100	11/10/2016	
	Tổng cộng	143.034.000		
Bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm ba mươi tư nghìn đồng./.				

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam đã hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng theo đúng tiến độ đã ký kết trong hợp đồng.

2.2.3.2. Dự án khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân

a. Hợp đồng số 02/2010/VNLL/HĐTV – TVXD ngày 03/4/2010 giữa Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình hàng hải

- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh
- Nội dung hợp đồng: Lập dự án đầu tư xây dựng và thiết kế bản vẽ thi công – dự án san nền sơ bộ khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 40 ngày
- Giá trị hợp đồng: 442.105.836 VNĐ
- Giá trị thanh lý: 110.526.459 VNĐ
- Thời gian thanh lý hợp đồng: 25/3/2016
- Chi tiết các đợt thanh toán:

**Bảng 1.10: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số
02/2010/VNLL/HĐTV – TVXD**

STT	Đợt thanh toán	Giá trị hồ sơ thanh toán	Ngày thanh toán	Ghi chú
1	Đợt 01 (tạm ứng 25% giá trị hợp đồng)	110.526.459	10/04/2010	
<i>Bằng chữ: Một trăm mười triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng./.</i>				

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Các công việc nhà thầu đã triển khai và nộp cho Chủ đầu tư gồm:
- Dự án ĐTXD san nền sơ bộ khu DVHC Cảng Cái Lân;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công: Thuyết minh, bản vẽ + Dự toán;
- Báo cáo kết quả khảo sát địa hình phục vụ điều chỉnh khối lượng công việc lập DA & TKBVTC dự án ĐTXD San nền sơ bộ khu DVHC Cảng Cái Lân: Phần Tài liệu phục vụ lập Dự án ĐTXD & TKBVTC.

Theo lộ trình tái cơ cấu và theo tinh thần chỉ đạo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam yêu cầu thắt chặt các hoạt động đầu tư để phù hợp với yêu cầu thực tế. Sau khi rà soát, đánh giá các dự án do Công ty Chủ đầu tư, dự án trên sẽ có một số điều chỉnh trong thời gian tới. Do đó các khối lượng công việc còn lại chưa được thực hiện của hợp đồng số 02/2009/VNLL/HĐ - TVXD sẽ tạm dừng triển khai. Đối với các phần việc bên B đã thực hiện tới thời điểm hiện nay, hai bên thống nhất giá trị thanh lý hợp đồng là **110.526.459** đồng.

- Nhận xét: Hợp đồng có giá trị thanh lý thấp hơn giá trị hợp đồng, tuy nhiên thời gian từ khi ký kết hợp đồng tới khi triển khai, thanh lý hợp đồng kéo dài từ 2020 đến 2016.

b. Hợp đồng kinh tế số 06/2011/VNLL/HĐKT - TVXD ngày 08/9/2011 được ký giữa Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam và Công ty CP Tư vấn thiết

kế và Chuyển giao công nghệ xây dựng Tầm Nhìn Mới về việc: “Lập dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân”.

- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh
- Nội dung hợp đồng: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày
- Giá trị hợp đồng: 180.000.000 VNĐ
- Giá trị thanh lý hợp đồng: 90.000.000 VNĐ
- Thời gian thanh lý hợp đồng: 20/3/2016
- Chi tiết các đợt thanh toán:

***Bảng 1.11: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số
06/2011/VNLL/HĐKT – TVXD***

STT	Đợt thanh toán	Giá trị thanh toán	Ngày thanh toán
1	Đợt 01	90.000.000	20/9/2011

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Hợp đồng có giá trị thanh lý thấp hơn giá trị hợp đồng.
 - Nguyên nhân: Dự án ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân có một số phương án thay đổi trong thời gian tới. Vì vậy hợp đồng số 06/2011/VNLL/HĐKT - TVXD đã được ký kết giữa hai bên dừng thực hiện.
- c. Hợp đồng số 09-09/HĐKT ngày 10/8/2015 giữa Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam và Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói
 - Nội dung hợp đồng: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác đất tại đồi Ghềnh Táu phục vụ san lấp tạo mặt bằng khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân
 - Thời gian thực hiện hợp đồng: 6 tháng
 - Giá trị hợp đồng: 149.967.000 VNĐ

- Giá trị quyết toán A-B: 149.967.000 VNĐ
- Thời gian lập hồ sơ quyết toán: 20/2/2016
- Thời gian thanh lý hợp đồng: 20/3/2016
- Chi tiết các đợt thanh toán:

Bảng 1.12: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 09-09/HĐKT

STT	Đợt thanh toán	Giá trị hồ sơ thanh toán	Ngày thanh toán	Ghi chú
1	Đợt 01	74.983.500	15/8/2015	
2	Đợt 02	74.983.500	20/4/2016	
	Tổng cộng	149.967.000		
<i>Bảng chữ: Bốn mươi triệu đồng./.</i>				

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Hợp đồng có giá trị quyết toán bằng giá trị ban đầu. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.
- d. Hợp đồng số 18/2016/HĐ-XD ngày 30/9/2016 giữa Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam và Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại CTC
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói
 - Nội dung hợp đồng: Lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 dự án khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân
 - Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày
 - Giá trị hợp đồng: 364.796.000 VNĐ
 - Giá trị quyết toán A-B: 364.796.000 VNĐ
 - Thời gian lập hồ sơ quyết toán: 29/10/2016
 - Thời gian thanh lý hợp đồng: 30/10/2016
 - Điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - + Tạm ứng hợp đồng:
- Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Bên A tạm ứng cho Bên B số tiền là:

150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Hình thức tạm ứng: Chuyển khoản.

+ Thanh toán hợp đồng:

Sau khi có Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của UBND tỉnh Quảng Ninh, hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, biên bản thanh lý hợp đồng và Bên A sẽ thanh toán tiếp cho Bên B 100% giá trị thanh lý hợp đồng.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).

Hồ sơ thanh quyết toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có xác nhận của đại diện bên A và đại diện bên B;

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng có xác nhận của đại diện bên A và đại diện bên B;

- Đề nghị thanh toán của Bên B bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên A và đại diện bên B.

Thời hạn thanh toán: Chậm nhất trong vòng 15 ngày sau khi có đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán theo quy định.

- Chi tiết các đợt thanh toán:

Bảng 1.13: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 18/2016/HĐ-XD

STT	Đợt thanh toán	Giá trị	Ngày thanh toán	Ghi chú
1	Đợt 01	150.000.000	05/10/2016	
2	Đợt 02	214.796.000	30/10/2016	
	Tổng cộng	364.796.000		
<i>Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tư triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng./.</i>				

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Hợp đồng có giá trị quyết toán bằng giá trị hợp đồng. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh, quyết toán theo đúng tiến độ đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2.2.3.3. Dự án xây dựng Kho ngoại quan và Trung tâm Logistics

a. Hợp đồng số 158/2010/HĐ - TVXD ngày 19/3/2010 giữa Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình hàng hải

- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh
- Nội dung hợp đồng: Khảo sát địa hình, địa chất, lập báo cáo tổng quan phục vụ xin phép đầu tư xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng kho ngoại quan và trung tâm logistics
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày
- Giá trị hợp đồng: 705.299.606 VNĐ
- Giá trị quyết toán A-B: 608.553.646 VNĐ
- Thời gian lập hồ sơ quyết toán: 20/2/2016
- Thời gian thanh lý hợp đồng: 20/3/2016
- Chi tiết các đợt thanh toán:

Bảng 1.14: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số 158/2010/HĐ – TVXD

STT	Đợt thanh toán	Giá trị hồ sơ thanh toán	Ngày thanh toán	Ghi chú
1	Đợt 01	176.399.602	20/5/2010	
2	Đợt 02	123.153.744	05/1/2012	
3	Đợt 03	309.000.000	25/2/2016	
	Tổng cộng	608.553.646		
Bằng chữ: Sáu trăm linh tám triệu năm trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng./.				

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Hợp đồng có giá trị quyết toán thấp hơn giá trị ban đầu. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tuy nhiên thời gian quyết toán hợp đồng chậm nên thời gian thanh toán lần cuối chậm hơn so với thời gian hai bên đã thỏa thuận theo hợp đồng.

b. Hợp đồng số 34/2011/HĐKT/CONINCO/CT ngày 13/02/2011 giữa Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam và Công ty CP tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định - Coninco

- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định

- Nội dung hợp đồng: Thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án đầu tư xây dựng Kho ngoại quan và trung tâm logistics tại khu công nghệ cao Hòa Lạc

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày

- Giá trị hợp đồng: 60.000.000 VNĐ

- Giá trị quyết toán A-B: 60.000.000 VNĐ

- Thời gian lập hồ sơ quyết toán: 10/02/2012

- Thời gian thanh lý hợp đồng: 15/02/2012

- Chi tiết các đợt thanh toán:

***Bảng 1.15: Chi tiết các đợt thanh toán hợp đồng số
34/2011/HĐKT/CONINCO/CT***

STT	Đợt thanh toán	Giá trị (VNĐ)	Ngày thanh toán	Ghi chú
1	Đợt 01	30.000.000	23/02/2011	
2	Đợt 02	30.000.000	20/2/2012	
	Tổng cộng	60.000.000		
<i>Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng./.</i>				

(Nguồn: Ban quản lý dự án Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam)

- Nhận xét: Hợp đồng có giá trị quyết toán bằng giá trị ký kết ban đầu. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tuy nhiên thời gian

quyết toán hợp đồng chậm nên thời gian thanh toán lần cuối chậm hơn so với thời gian hai bên đã thỏa thuận theo hợp đồng.

2.2.4 Đánh giá thực trạng thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

2.2.4.1 Những kết quả đạt được

a. Về thủ tục pháp lý của Nhà nước

- Việc nghiệm thu, thanh toán cơ bản được thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đã cập nhật được những văn bản mới nhất của Chính phủ hướng dẫn về công tác thanh toán nên công tác thanh toán đảm bảo làm theo đúng mẫu, không phải làm đi làm lại mất thời gian.

b. Về phía Ban QLDA Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

- Sự phối hợp giữa các phòng ban trong Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam bước đầu cũng đạt được kết quả đáng kể.

- Không gây phiền hà sách nhiễu với các Nhà thầu khi thực hiện nghiệm thu, thanh, quyết toán công trình xây dựng

c. Về hồ sơ thanh, quyết toán

Hồ sơ nghiệm thu, thanh toán cơ bản đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2.2.4.2 Những tồn tại, hạn chế

a. Về bộ máy quản lý

- Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam còn cồng kềnh nhưng chưa chú trọng cho nhân sự thực hiện quản lý các dự án đầu tư: Công ty hiện có hơn 180 cán bộ công nhân viên tuy nhiên cán bộ làm công tác quản lý các dự án đầu tư chỉ có 6 người vừa thực hiện công việc của phòng Kế hoạch – Đầu tư vừa thực hiện quản lý dự án nên công việc nhiều khi bị chòng chéo, không tránh khỏi hồ sơ bị lẫn hoặc kiểm tra sót.

- Các phòng ban tham gia công tác thanh, quyết toán hợp đồng chưa phối hợp tốt với nhau.

- Các dự án do Công ty quản lý đa phần đều có quy mô và vốn đầu tư lớn, gây kéo dài thời gian và tăng chi phí quản lý như dự án Khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân, dự án đầu tư xây dựng Cảng nội địa (ICD) Lào Cai.

- Nhân sự quản lý trực tiếp công tác thanh quyết toán cho từng dự án thiếu cả về số lượng và chất lượng: Do các dự án Công ty đầu tư đều ở các tỉnh xa trụ sở Công ty tại Hà Nội nên nhiều khi cán bộ kỹ thuật thuộc ban QLDA phải di chuyển, thực hiện công việc giám sát nhiều công trình một lúc rất vất vả. Các cán bộ trong Ban QLDA của Công ty thường xuyên thay đổi, những cán bộ có kinh nghiệm bị chuyển sang vị trí hoặc nơi công tác khác, gây khó khăn về tổ chức nhân sự, không tận dụng được kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của họ.

- Công tác giám sát, đôn đốc quá trình thực hiện hợp đồng chưa thực sự nghiêm túc, thiếu khẩn trương do đó nhiều hợp đồng thời gian thực hiện ngắn nhưng thời gian quyết toán dài như hợp đồng số 1799/HĐ – XD ngày 01/01/2008, 10/2008/VNLL-HĐXL ngày 29/12/2008, 01/2009/VNLL – HĐ – TVGSXD ngày 01/12/2009.

- Công việc chưa phân bổ đều, vẫn còn hiện tượng người làm không hết việc, người không có việc làm, gây ra lãng phí về thời gian, chi phí điều hành và ảnh hưởng đến tâm lý chung.

b. Về công tác thanh, quyết toán

- Nhiều hợp đồng xây dựng khi quyết toán có giá trị cao hơn giá trị hợp đồng ban đầu do phát sinh khối lượng hoặc do điều chỉnh giá dẫn tới khó khăn cho việc phê duyệt quyết toán do phải bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định.

- Việc bố trí vốn cho các dự án chưa đáp ứng tiến độ đã làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án, có dự án phải gia hạn hợp đồng nhiều lần do đó công tác nghiệm thu, thanh quyết toán công trình gặp rất nhiều khó khăn.

- Việc ứng trước hợp đồng cho nhà thầu còn chưa đúng quy định, nhiều trường hợp cho tạm ứng lần sau nhưng chưa có khối lượng để nghiệm thu thu

hồi tạm ứng các lần trước, gây khó khăn cho công tác thanh quyết toán sau này.

- Việc lập và hoàn chỉnh hồ sơ nghiệm thu thanh toán, quyết toán của nhà thầu còn chậm, thiếu chính xác, không đầy đủ và kéo dài... đã gây khó khăn, tốn nhiều thời gian, công sức của Ban QLDA trong việc kiểm tra, soát xét. Có dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, nhưng tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, đã quá thời hạn quy định phải quyết toán dự án hoàn thành nhưng vẫn chưa thực hiện được. Có nhà thầu còn đùn đẩy trách nhiệm lập hồ sơ hoàn công cho Chủ đầu tư dẫn đến thời gian hoàn thành rất chậm, ảnh hưởng đến việc tiến độ thanh, quyết toán công trình.

- Việc lập hồ sơ và thủ tục phê duyệt điều chỉnh giá hợp đồng do nguyên nhân giá cả vật tư có nhiều biến động còn chậm và phức tạp, có công trình đã thi công 3 năm mới thống nhất được phương pháp điều chỉnh giá từ đó khâu thanh, quyết toán hợp đồng chậm.

- Chủ đầu tư còn chưa quan tâm đúng mức đến công tác quyết toán dự án (quyết toán theo nên độ, quyết toán dự án hoàn thành), chưa nắm vững được nội dung báo cáo quyết toán, quy trình thực hiện quyết toán dự án hoàn thành nên khi thực hiện quyết toán dự án hoàn thành còn nhiều lúng túng, chậm so với quy định.

- Tiến độ thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với cơ quan có thẩm quyền còn chậm so với quy định.

- Năng lực đội ngũ cán bộ của Chủ đầu tư, nhà thầu... trong chỉ đạo và thực hiện công tác thanh quyết toán còn hạn chế, dẫn đến việc áp dụng các cơ chế chính sách đầu tư xây dựng còn nhiều sai sót, thủ tục thanh quyết toán chưa rõ ràng, rườm rà, qua nhiều khâu nhưng chất lượng không cao.

2.2.4.3 Nguyên nhân của những tồn tại

a. Nguyên nhân chủ quan

- Do lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là kinh doanh đặc biệt là hoạt động vận tải và Logistics nên nhu cầu sử dụng vốn lưu động lớn và liên tục. Công ty hiện đang có nhiều văn phòng và chi nhánh có trụ sở tại các tỉnh khác nhau của Việt Nam. Do đó Công ty rất chú trọng nhân sự và vốn cho các lĩnh vực này mà chưa chú trọng bố trí nhân sự và vốn cho lĩnh vực quản lý dự án.

- Ban QLDA Công ty còn chưa tổ chức phối hợp được tốt các phòng ban trong việc thanh quyết toán hợp đồng xây dựng công trình.

- Năng lực đội ngũ cán bộ tham gia công tác thanh, quyết toán còn yếu. Nhiều cán bộ trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm lại được giao khối lượng công việc lớn nên gặp nhiều bỡ ngỡ, lúng túng khi giải quyết công việc. Những cán bộ có kinh nghiệm lâu năm, có độ chín về nghề nghiệp lại chuyển công tác sang đơn vị khác hoặc cấp cao hơn nên chưa tận dụng được hết khả năng của họ.

- Việc lập các hợp đồng giao thầu còn sơ sài, tính ràng buộc pháp lý kém, chưa có các điều khoản cụ thể về chất lượng công trình, điều kiện, thời gian lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán, thưởng phạt hợp đồng ... Chưa lường hết được những yếu tố thay đổi, điều chỉnh, bổ sung thường xảy ra trong hợp đồng xây dựng.

- Chưa có quy trình giám sát kiểm tra thanh, quyết toán.

b. Nguyên nhân khách quan

- Cơ chế, chính sách quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước trong thời gian gần đây có nhiều thay đổi và còn rườm rà, nhiều thủ tục gây khó khăn cho công tác thanh, quyết toán như: Chính sách và cơ chế quản lý giá của nhà nước, chính sách đầu tư và kinh doanh bất động sản...

- Nền kinh tế có nhiều biến động, chỉ số lạm phát cao ảnh hưởng đến chi phí các yếu tố đầu vào làm đội tổng mức đầu tư, dự toán của dự án. Giá cả

nguyên vật liệu, nhân công thường xuyên thay đổi nên chủ đầu tư phải mất nhiều thời gian để điều chỉnh giá vật liệu, nhân công, máy dẫn đến việc phải kéo dài thời gian hoàn tất các thủ tục liên quan tới thanh, quyết toán công trình.

- Mức độ hiểu biết về dự án và mức độ hợp tác của các đối tác, các đơn vị liên quan đến dự án như các Bộ, ngành, địa phương liên quan ... Nếu như các đơn vị này có hiểu biết và thái độ hợp tác tốt với dự án thì dự án sẽ thuận lợi. Ngược lại, nếu các cơ quan này chưa nắm bắt được về dự án và thể hiện sự thiếu hợp tác thì dự án sẽ bị chậm tiến độ, nảy sinh nhiều chi phí bất hợp lý. Bộ Tài chính quy định cơ quan nào duyệt quyết toán thì phải chịu toàn bộ trách nhiệm về kết quả đã duyệt đó. Điều này khiến các cơ quan duyệt quyết toán thường không sử dụng kết quả của kiểm toán đã làm trước đó mà làm lại từ đầu. Việc làm này vừa lãng phí, vừa tốn thời gian.

- Công nghệ thi công luôn thay đổi và phát triển, các nhà thầu cập nhật và nắm bắt các công nghệ mới để cải tiến biện pháp thi công. Tuy nhiên, việc cải tiến công nghệ thi công cũng có nhiều điều đáng bàn. Ban Quản lý dự án cũng như lãnh đạo công ty VNLL luôn khuyến khích việc áp dụng công nghệ mới vào trong thi công để giảm thời gian cũng như chi phí thi công. Tuy nhiên, có những nhà thầu lợi dụng việc chỉ định thầu để đưa ra những biện pháp thi công cũ, mất nhiều chi phí, đến khi trúng thầu và tiến hành thi công thì lại áp dụng biện pháp thi công mới, ít tốn chi phí với mục đích là mượn danh cải tiến công nghệ để lấy lãi cho họ một cách bất hợp pháp. Điều này dẫn đến việc tranh cãi giữa chủ đầu tư và nhà thầu, ảnh hưởng đến công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình.

- Về phía nhà thầu:

- + Thực tế do năng lực cán bộ làm hồ sơ còn nhiều hạn chế như ít kinh nghiệm nên không nắm rõ được trình tự, thủ tục làm hồ sơ thanh, quyết toán hợp đồng theo quy định. Mặt khác do số lượng công việc quá nhiều nên nhà

thầu lại phải đi thuê nhà thầu phụ dẫn đến việc kiểm soát mất rất nhiều thời gian và nhân lực của Chủ đầu tư. Các dự án trong quá trình triển khai thực hiện có điều chỉnh, bổ sung, nhưng nhà thầu chưa chuyên nghiệp nên Chủ đầu tư phải mất rất nhiều thời gian trong việc hướng dẫn làm thủ tục để phê duyệt;

+ Hệ thống quản lý chất lượng của một số Nhà thầu ở một vài công trình cũng chưa được chú trọng; năng lực, trình độ chuyên môn đội ngũ quản lý chất lượng của một số Nhà thầu ở một số công trình chưa đáp ứng được yêu cầu như công trình xây lắp giai đoạn 1, công trình đường và sân bãi làm hàng thuộc dự án Đầu tư xây dựng Cảng nội địa (ICD) Lào Cai.

+ Các công trình xây dựng thường được thi công trong thời gian dài, chính vì vậy công tác tổ chức cán bộ, sắp xếp lại bộ máy các đơn vị liên quan có nhiều biến động. Có đồng chí lãnh đạo là giám đốc, phó giám đốc, chỉ huy điều hành công trình ở nhiều đơn vị đã chuyển công tác dẫn đến việc quyết toán vừa khó khăn vừa chậm.

+ Tiến độ lập hồ sơ dự án điều chỉnh bổ sung, thiết kế bản vẽ thi công ... của một số nhà thầu Tư vấn thiết kế rất chậm, chất lượng, năng lực cũng hạn chế; Năng lực quản lý thi công, điều hành, công tác hoàn thiện hồ sơ thanh toán, chất lượng hồ sơ hoàn công để bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng cũng chậm và kéo dài.

+ Hồ sơ nghiệm thu, thanh toán khối lượng, quyết toán công trình do nhà thầu lập còn chậm trễ và sai sót. Nhà thầu thực hiện sai quy trình, sai tiêu chuẩn, hồ sơ hoàn công không đầy đủ, không đúng với thực tế do đó chủ đầu tư không thể tiến hành nghiệm thu.

+ Sau khi hoàn tất việc xây dựng công trình thì lượng vốn còn lại trong hợp đồng đã ký kết Công ty thường rất ít, nên nhiều đơn vị thi công đã không còn quan tâm tới công tác quyết toán. Các đơn vị thi công cũng thường đảm nhận thi công nhiều công trình trong cùng một thời điểm, nên không đủ nhân

lực, thời gian để giải quyết hồ sơ quyết toán, dẫn đến chây ỳ, kéo dài việc quyết toán ...

Qua phân tích, đánh giá hiện trạng công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng công trình tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam cho thấy vẫn còn nhiều tồn tại cần được giải quyết để nâng cao hiệu quả trong công tác này, là căn cứ để tác giả đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện tại Chương 3.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THANH, QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM

3.1. Định hướng phát triển của Công ty

Trên cơ sở các thành tích đã đạt được, căn cứ vào các mục tiêu kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, căn cứ định hướng phát triển của ngành xây dựng, Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam xây dựng định hướng phát triển với các mục tiêu chủ yếu sau:

3.1.1 Tăng quy mô và hiệu quả sản xuất kinh doanh

Trước những khó khăn và thách thức đã được dự liệu, Công ty sẽ tận dụng những lợi thế sẵn có của mình để tìm kiếm các đối tác phù hợp nhằm tận dụng lợi thế về vốn, kinh nghiệm, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Giai đoạn 2016-2020, Công ty sẽ tập trung mở rộng hệ thống đầu tư xây dựng kho bãi tại một số khu vực kinh tế, cửa khẩu quan trọng, củng cố hoạt động sản xuất kinh doanh và tích cực kết nối với các đơn vị trong Tổng Công ty để nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Để hoàn thành kế hoạch phát triển giai đoạn 5 năm 2016-2020, bên cạnh việc tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, tự chủ các đơn vị, bộ phận Công ty tập trung tiếp tục triển khai những giải pháp sau:

- Hoàn chỉnh hệ thống hoạt động, quản lý, kiểm soát nội bộ các đơn vị, bộ phận. Chi nhánh, bộ phận phối hợp chặt chẽ với Công ty để mở rộng phát triển kinh doanh dịch vụ, chủ động thực hiện các dự án trên cơ sở đảm bảo hiệu quả và hạn chế tối đa rủi ro...

- Tăng cường kiểm soát, tham gia sâu rộng vào điều hành để nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ tại các đơn vị, bộ phận trực thuộc Công ty.

- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí đầu vào của quy trình hoạt động, xây dựng định mức chi phí hoa hồng, môi giới, thuê ngoài, thực hiện tốt công tác

bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ đối với phương tiện vận tải, trang thiết bị làm hàng...

- Nâng cao ý thức trách nhiệm, bồi dưỡng tay nghề cho đội ngũ CBCNV, nghiên cứu áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến rút ngắn thời gian làm hàng.

- Xây dựng chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút lực lượng lao động có trình độ và năng lực.

- Tập trung cung cấp dịch vụ truyền thống cho những khách hàng có lượng hàng ổn định, tình hình tài chính tốt, dịch vụ giao nhận hàng dự án, hàng siêu trường siêu trọng.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong Tổng Công ty để xây dựng các tuyến vận chuyển hàng hóa nội địa hiệu quả và tiến tới ra thị trường quốc tế.

- Chú trọng đầu tư và phát triển các ngành nghề cốt lõi của công ty như: dịch vụ hàng quá cảnh, hàng tạm nhập tái xuất, xếp dỡ container, vận tải hàng hóa.

- Đầu tư, mở rộng cơ sở hạ tầng kho bãi tại Hải Phòng, Hà Tĩnh, Lào Cai, Bình Dương... làm cơ sở phát triển dịch vụ Logistics trọn khâu và thành lập các trung tâm phân phối tại các khu vực kinh tế trọng điểm của quốc gia.

- Lập kế hoạch và lựa chọn thời điểm thích hợp để tiếp tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả và lợi ích cho cổ đông.

- Đẩy mạnh các hoạt động đầu tư cho quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy kinh doanh, nâng cao giá trị công ty.

- Tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có đảm bảo kinh doanh có hiệu quả đảm bảo nguồn vốn luôn được bảo toàn và phát triển, bên cạnh đó cũng chú trọng tới công tác xã hội, doanh nghiệp hướng về cộng đồng, đảm bảo an sinh xã hội.

3.1.2 Tăng cường công tác quản lý

Nâng cao hiệu quả tài chính bằng cách phát huy tốt nhất các nguồn vốn, các nguồn tài trợ phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư với mức tăng trưởng cao. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường quản lý giá thành, quản lý các định mức kinh tế kỹ thuật, hoàn thiện công tác khoán cho từng công ty, công trường, đội sản xuất với phương châm: Phát huy tốt nội lực, khai thác và sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài chính hiện có, cải tiến cơ chế điều hành của Tổng công ty để vừa đảm bảo tính tập trung thống nhất, vừa đảm bảo tính linh hoạt nhằm phát huy tốt tính chủ động sáng tạo của đơn vị.

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho cán bộ quản lý kinh doanh, đặc biệt là những cán bộ quản lý các dự án lớn, nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân kỹ thuật.

3.1.3 Các chỉ tiêu cần đạt được:

Trong giai đoạn 2016 – 2020, Công ty đề ra một số chỉ tiêu tăng trưởng chính hàng năm như sau:

- Dự kiến tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 13 – 18 %.
- Giá trị sản xuất kinh doanh từ 10 – 20 %
- Doanh thu đạt 32 – 33 %
- Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 18 – 24 % .
- Tỷ suất lợi nhuận / doanh thu: 0,8 – 1 %.

....

Các chỉ tiêu khác như duy trì việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, nộp ngân sách ... Các chỉ tiêu được cụ thể hóa dưới bảng số liệu sau:

**Bảng 1.16: Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 của Công ty Cổ phần
Vinalines Logistics Việt Nam**

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	Triệu đồng	2.400.000	2.700.000	2.900.000	3.200.000	3.500.000
2	Lợi nhuận	Triệu đồng	19.600	21.952	26.342	31.611	35.088
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	43.400	48.608	58.330	69.996	77.695

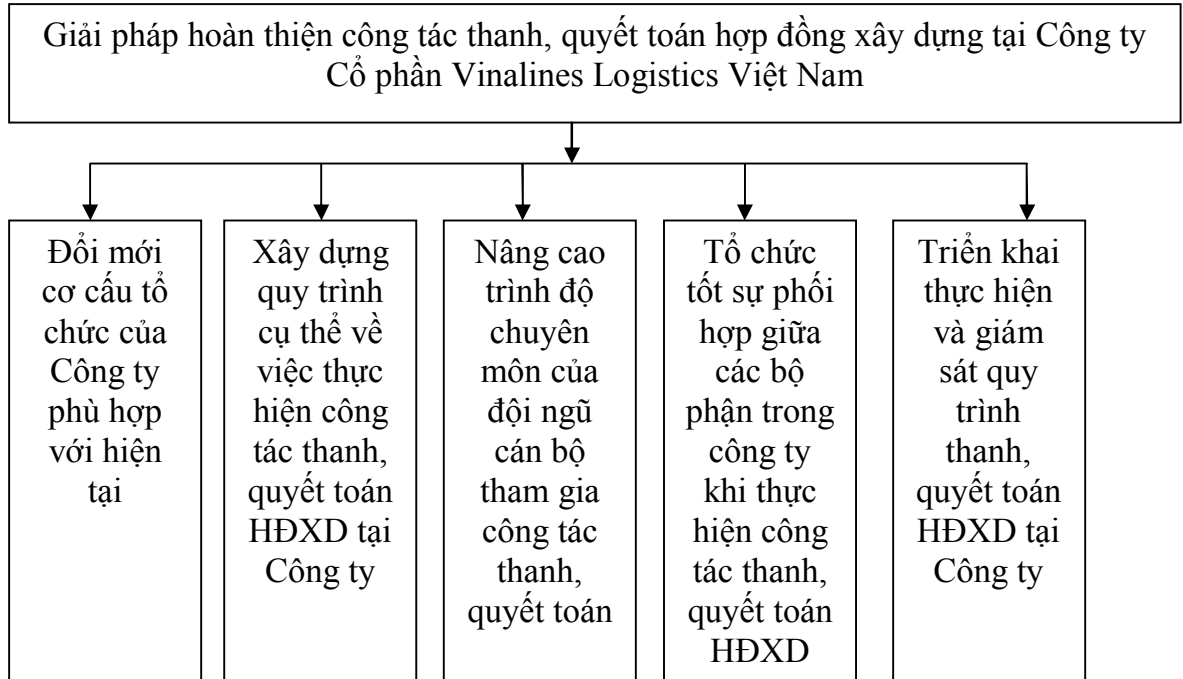
(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Đầu tư)

3.1.4 Định hướng trong công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng của Công ty

Trong những năm tiếp theo Công ty tiếp tục hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng nhằm tiến tới việc thực hiện thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng một cách chuyên nghiệp.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam

Trên cơ sở lý luận trình bày tại chương 1, thực trạng công tác thanh, quyết toán nêu tại chương 2 và quan điểm đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam, tác giả xin đề xuất một số giải pháp sau:



Hình 2.8: Giải pháp hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam

3.2.1 Đổi mới cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam phù hợp với hiện tại

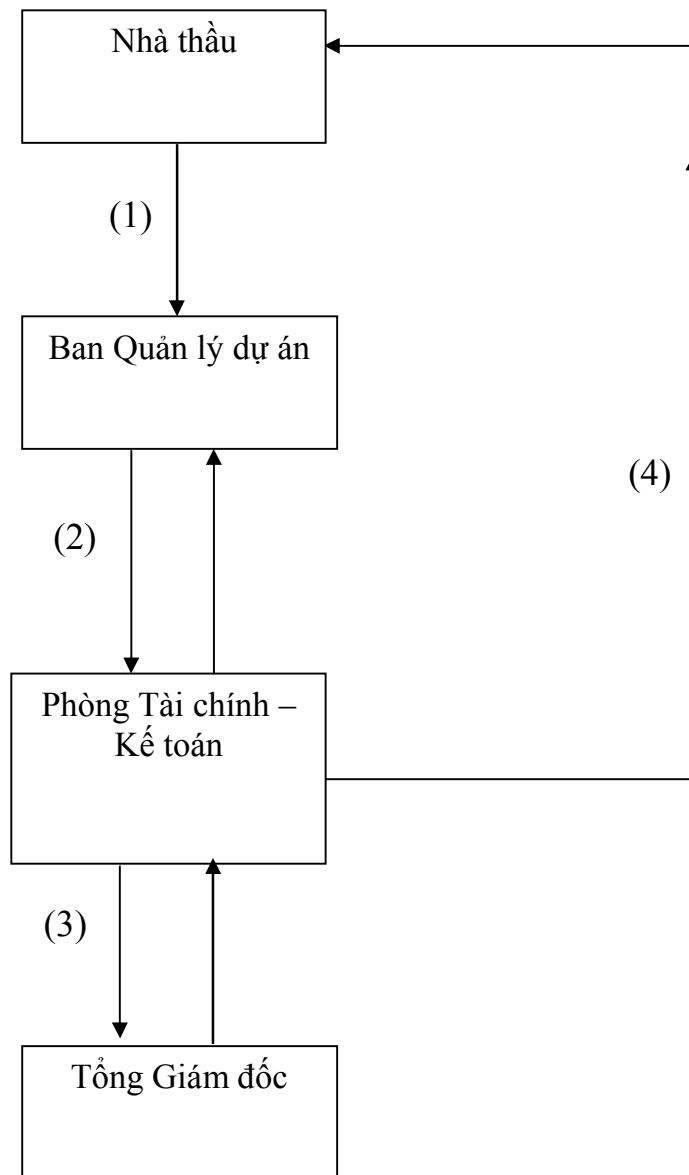
- Sự cần thiết phải đổi mới cơ cấu tổ chức: Do bộ máy quản lý của Công ty VNLL còn cồng kềnh và chưa thực sự hiệu quả, cán bộ công nhân viên làm công tác thanh, quyết toán còn thiếu về số lượng.
- Điều kiện để thực hiện giải pháp: Để thực hiện được giải pháp nêu trên công ty cần bố trí, tổ chức lại nhân sự tại các phòng, ban khác nhau phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực của các cá nhân, bố trí thêm nhân sự cho ban quản lý dự án
- Hiệu quả đạt được khi thực hiện được giải pháp trên: Thực hiện tốt giải pháp này thì việc quản lý thực hiện dự án không bị chồng chéo, công việc phân bổ đồng đều.

3.2.2 Xây dựng một quy trình cụ thể về việc thực hiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty

- Sự cần thiết phải xây dựng quy trình cụ thể cho công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam:

Hiện tại Công ty chưa có một quy trình cụ thể, chi tiết để thực hiện công tác này mà chỉ thực hiện một cách chung chung tùy theo yêu cầu của từng dự án, do đó đến mỗi dự án hay công trình khác nhau thì việc thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng lại gặp phải nhiều khó khăn về quy trình hay về nhân sự thanh, quyết toán. Vì vậy để việc thanh, quyết toán các hợp đồng xây dựng của tất cả các dự án mà Công ty làm Chủ đầu tư được khoa học nhất, ưu việt nhất thì cần phải có một quy trình thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng rõ ràng và hợp lý. Tác giả xin đề xuất quy trình thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng như sau:

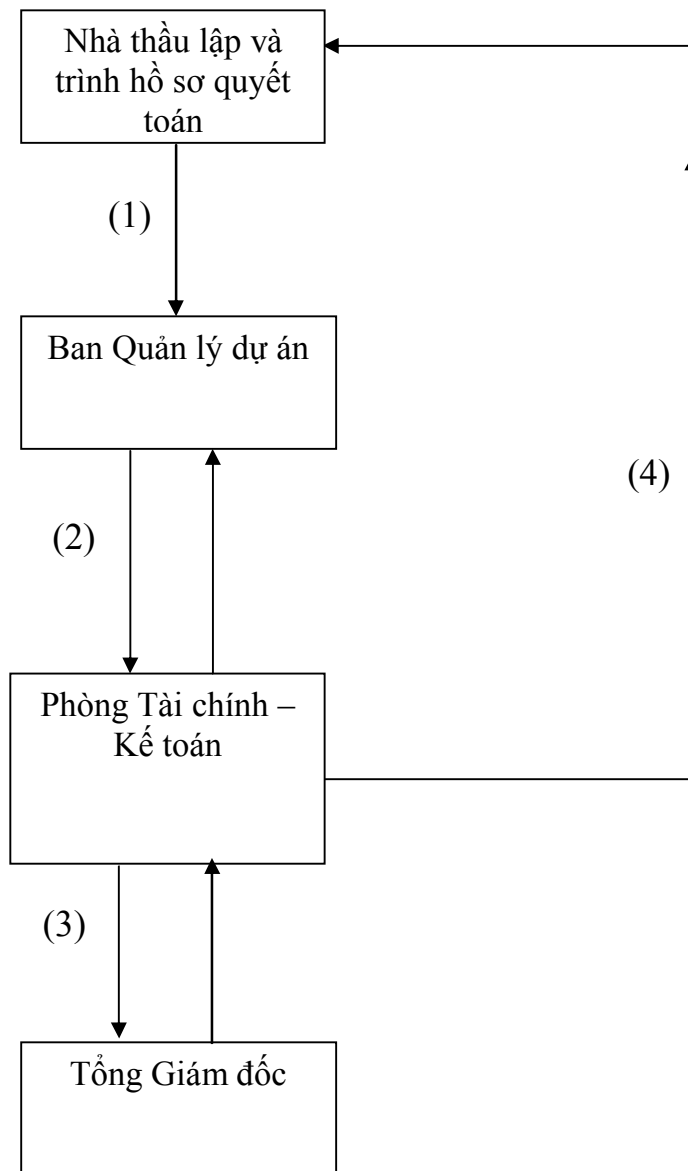
- Quy trình thanh toán hợp đồng xây dựng do tác giả đề xuất:



Hình 2.9: Quy trình thanh toán tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics
Việt Nam do tác giả đề xuất

Ưu điểm của Quy trình: Tác giả nhận thấy quy trình nêu trên là đơn giản và giải quyết được các nhược điểm của trình tự thanh toán hợp đồng xây dựng hiện tại của Công ty, tăng sự liên kết chặt chẽ giữa Ban Quản lý dự án và phòng tài chính – Kế toán, cán bộ Phòng tài chính – Kế toán quản lý được các hợp đồng xây dựng được chặt chẽ và bài bản hơn, rút ngắn được thời gian thanh toán hợp đồng xây dựng cho các Nhà thầu.

- Quy trình quyết toán hợp đồng xây dựng do tác giả đề xuất:



Hình 2.10: Quy trình quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam do tác giả đề xuất

Ưu điểm của quy trình: Đơn giản, có sự liên kết chặt chẽ giữa các phòng, ban liên quan cụ thể ở đây là Ban quản lý dự án và phòng Tài chính – Kế toán. Hồ sơ

- Xây dựng quy trình: Đưa ra nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng ban từ khi bắt đầu một dự án.

- Khi triển khai hợp đồng kinh tế cần nghiên cứu kỹ các điều khoản trước khi ký kết hợp đồng. Nhiệm vụ này được giao cho phòng Ban quản lý dự án. Ban quản lý dự án có nhiệm vụ:

- + Xem xét kỹ hồ sơ năng lực, hồ sơ dự thầu của từng nhà thầu.
- + Xem xét lại số lượng, trình độ nhân sự triển khai thực hiện công việc của nhà thầu, tiến độ thực hiện hợp đồng của nhà thầu.
- + Xem xét lại các yêu cầu kỹ thuật.
- + Đi thực địa.
- + Xem xét lại kế hoạch tiến độ tổng thể của dự án.

- Hoàn thành một bản danh mục kiểm tra các thông tin dự án, nhiệm vụ này giao cho các cán bộ có chuyên môn về đầu tư xây dựng của Ban quản lý dự án, khi đó các cán bộ sẽ có nhiệm vụ sau:

+ Theo sát tổng mức đầu tư của dự án và các chi phí thành phần được phê duyệt.

+ Lập danh mục các hợp đồng cần triển khai để thực hiện dự án.

+ Chi tiết tiến độ và giá trị thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng cần phải tuân thủ đúng các quy định mà hai bên đã ký kết.

- Trong quá thực hiện công việc nếu phát sinh khối lượng thì cán bộ làm công tác thanh, quyết toán phải báo cáo ngay cho Giám đốc Ban QLDA để có phương án xử lý kịp thời.

- Cán bộ làm công tác thanh, quyết toán HĐXD cần thường xuyên cập nhật các văn bản mới có liên quan do Chính phủ và các Bộ ban hành.

- Chuẩn bị vốn tránh tình trạng thiếu vốn: Việc thanh quyết toán cần thực hiện ngay khi nhà thầu hoàn thành khối lượng thi công và được tư vấn giám sát xác nhận. Do đó việc chuẩn bị nguồn vốn để chi trả là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo dự án diễn ra đúng tiến độ.

- Thực hiện nghiêm túc những hướng dẫn chỉ đạo của Tổng Công ty về vấn đề thanh quyết toán hợp đồng xây dựng .

- Phải xây dựng quy trình đồng bộ tất cả các khâu nhất là quy trình nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với từng dự án.

- Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Chủ đầu tư theo đúng yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật trong hoạt động xây dựng.

- Phối hợp cùng tư vấn giám sát và các bên liên quan tổ chức nghiệm thu về chất lượng và khối lượng công việc Nhà thầu thực hiện.

➤ Điều kiện để thực hiện giải pháp: Để thực hiện được giải pháp nêu trên công ty cần có đủ nhân lực từ đó phân bổ hợp lý nhân lực cho các phòng ban một cách chuyên môn hóa. Sự phối hợp giữa các phòng ban trong công ty phải ăn khớp và chuyên môn hóa. Xem xét lại hệ thống các khâu trong công tác thanh, quyết toán để tránh sự rườm rà không cần thiết trong quá trình gây nên sự chậm trễ.

➤ Hiệu quả đạt được khi thực hiện được giải pháp trên:

- Thực hiện tốt giải pháp này thì việc làm hồ sơ thanh, quyết toán sẽ được làm theo hệ thống, không chồng chéo lên nhau.

- Hồ sơ được lưu trữ rõ ràng, cẩn thận. Khi nào cần thì có không bị mất mát hồ sơ.

- Mối quan hệ giữa các phòng ban và lãnh đạo công ty thực hiện tốt sẽ giải quyết được những vướng mắc về mặt nội bộ Công ty một cách kịp thời.

- Mối quan hệ với các đơn vị liên quan như: Đơn vị thi công, đơn vị giám sát, đơn vị tư vấn thiết kế thực hiện tốt sẽ đảm bảo hồ sơ làm nhanh và thực hiện đầy đủ.

3.2.3 Nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng

➤ Sự cần thiết: Như đã trình bày ở trên thì đa số cán bộ Ban QLDA là cán bộ trẻ có ưu điểm là năng động, nhiệt tình và ham học hỏi nhưng thiếu kinh nghiệm. Do vậy, việc nâng cao trình độ chuyên môn của các cán bộ làm công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng là vô cùng cần thiết.

➤ Thực hiện giải pháp:

- Tiến hành chuyên môn hóa chức năng nhiệm vụ của từng cán bộ nhân viên trong Ban quản lý dự án để khi thực hiện công việc sẽ tránh được sự nhầm lẫn chồng chéo giữa người này và người khác làm cho công việc thanh, quyết toán được thông suốt dẫn đến đẩy nhanh tiến độ trong khâu thanh, quyết toán.

- Công ty tiến hành chọn lựa các cán bộ nhân viên để tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn phù hợp hoặc có thể gửi đến các trung tâm theo học các khóa đào tạo nghiệp vụ này để có một đội ngũ chuyên nghiệp trong công tác thanh, quyết toán.

- Ngoài ra định kỳ tổ chức các cuộc họp nhằm nâng cao chất lượng công tác thanh, quyết toán cho các cán bộ công nhân viên thực hiện nhiệm vụ này bằng cách trao đổi, bàn luận về từng vấn đề của công tác thanh quyết toán, lấy ý kiến của từng người trong phòng, ban để tất cả mọi người đều nắm và hiểu được những vấn đề đã đạt được cũng như những tồn tại hạn chế mà Công ty còn mắc phải, giải quyết những thắc mắc còn chưa rõ từ đó hoàn thiện hơn về chức năng nhiệm vụ của từng người trong bộ phận.

Lưu ý:

- Cần chọn lọc bố trí cán bộ đi học lớp bồi dưỡng có trách nhiệm tránh lãng phí và không có kết quả, mất thời gian.

- Công ty cần tạo điều kiện về mọi mặt cho cán bộ để họ chuyên tâm và thực hiện nghiêm túc.

- Có bộ phận lưu trữ hồ sơ, tài liệu đã tổng kết về mảng thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng. Để cẩn thận, khi nào cần phải có ngay không mất công tìm lại và tránh mất mát.

➤ Hiệu quả của giải pháp: Thực hiện tốt giải pháp này giúp Công ty có đội ngũ cán bộ nắm vững và sâu hơn về các quy định của Nhà nước về công tác thanh, quyết toán từng bước xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp có cơ sở để làm việc với các đơn vị khác tránh mất thời gian sửa chữa hồ sơ.

3.2.4 Tổ chức tốt sự phối hợp giữa các bộ phận trong Công ty khi thực hiện công tác thanh, quyết toán

➤ Sự cần thiết phải phối hợp tốt các bộ phận khi làm công tác thanh, quyết toán:

- Công việc làm hồ sơ thanh, quyết toán là một công việc hết sức phức tạp, nó đòi hỏi sự nhạy bén, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ và sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng của các bộ phận có liên quan. Một trong những hạn chế còn tồn tại trong Công ty hiện nay là việc tổ chức thực hiện công tác làm hồ sơ thanh, quyết toán và sự phối hợp giữa các bộ phận tham gia vào quá trình này chưa chặt chẽ, hợp lý dẫn đến chồng chéo trong công việc hoặc có những công việc không có người phụ trách thực hiện hoặc bị chậm trễ do vậy hiệu quả thực hiện công tác này chưa cao. Việc tổ chức thực hiện công tác làm hồ sơ thanh, quyết toán nhiều khi còn chưa được ban lãnh đạo công ty quan tâm chỉ đạo sát sao, dẫn đến hiện tượng sau khi lập kế hoạch thanh toán rồi lại không khớp với số liệu ghi vốn của các dự án do vậy làm hồ sơ thanh, quyết toán phải tiến hành điều chỉnh. Điều này làm cho chất lượng của công tác làm hồ sơ thanh, quyết toán bị giảm, mất thời gian và không hiệu quả vì phải lập trong thời gian gấp rút mà đội ngũ cán bộ làm giá mỏng và phần lớn còn ít kinh nghiệm.

- Trong doanh nghiệp, bất cứ một công việc gì cũng cần có sự phối hợp ăn ý, nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các bộ phận có liên quan. Nếu thực hiện được điều này, không những giúp doanh nghiệp thực hiện công việc cách nhanh chóng mà còn nâng cao được hiệu quả của công việc. Vì vậy, công ty cần nhanh chóng có các biện pháp nhằm củng cố tổ chức, tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận, các phòng ban tham gia làm hồ sơ thanh, quyết toán dự thầu HĐXD để công tác thanh, quyết toán HĐXD được thực hiện tốt đảm bảo thanh toán được tiền đúng thời điểm và quyết toán công trình đúng thời gian quy định.

➤ Thực hiện giải pháp:

- Công tác làm hồ sơ thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng trong Công ty là công việc đòi hỏi sự phối hợp của các phòng ban khác như: Ban quản lý dự án, phòng Tài chính kế toán, và các phòng ban khác có liên quan. Hiện nay, về cơ bản Công ty chưa xây dựng được một quy trình làm hồ sơ thanh, quyết toán và việc phối hợp thực hiện chưa chặt chẽ. Việc làm hồ sơ thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng chỉ đảm bảo ở ban Quản lý dự án Công ty mà chưa có sự liên kết giữa các phòng do vậy quy trình thanh quyết toán cứ sau một khâu ở một phòng ban và chuyển sang phòng khác lại có những vướng mắc. Để khắc phục tình trạng này, Công ty cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận để các luồng thông tin trao đổi thông suốt, đồng thời cũng phải có sự sắp xếp, tổ chức lại bộ phận làm hồ sơ thanh, quyết toán sao cho trình tự thanh quyết toán được thông suốt thành một quy trình khép kín.

- Trong kế hoạch thanh toán gửi các bộ phận phải ghi rõ thời gian thực hiện, hết thời gian phải chuyển sang bộ phận khác. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc trục trặc gì phải báo cáo ngay lãnh đạo phòng để được giải quyết và thông tin ngay tới các bộ phận khác. Mỗi bộ phận phải chịu trách nhiệm về phần công việc của mình.

- Phòng Tài chính kế toán phải thường xuyên liên hệ với bộ phận làm hồ sơ thanh, quyết toán để kịp thời cung cấp và nắm được thông tin tiền về để phân bổ nguồn tài chính hợp lý cho các công việc của công ty.

➤ Hiệu quả của giải pháp: Việc tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban khi tiến hành công tác thanh, quyết toán sẽ giúp Công ty nắm bắt được quá trình tiến độ thanh, quyết toán từng giai đoạn của các dự án ra sao từ đó có biện pháp kịp thời nhằm tránh tình trạng lỗi từ một phòng ban kéo theo lỗi hệ thống đến các phòng ban khác gây chậm trễ quá trình thanh, quyết toán ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty.

3.2.5 Triển khai thực hiện và giám sát quy trình thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty

Việc triển khai áp dụng các biện pháp làm tăng tính chuyên nghiệp của công tác thanh quyết toán ở các mục nêu trên có hiệu quả hay không thì cần phải có sự giám sát một cách chặt chẽ. Từ đó mới rút ra được việc thực hiện quy trình thanh, quyết toán có phù hợp hay không và cần thường xuyên bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp để quy trình ngày càng được sử dụng phù hợp với thực tế Công ty nhất.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Thanh, quyết toán vốn đầu tư nói chung và thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng nói riêng đã và đang có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả, hiệu quả đầu tư các dự án xây dựng công trình xây dựng, đến mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng. Từ khi thành lập đến nay Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam có nhiều đóng góp lớn trong việc hoàn thành các giai đoạn theo tiến độ của dự án, có được như vậy một phần do Công ty đã hoàn thành công tác thanh, quyết toán hợp đồng cho các nhà thầu. Tuy nhiên, qua thực tế cho thấy công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty còn không ít những khó khăn, vướng mắc cần hoàn thiện. Trên cơ sở lý luận chung về công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng, phân tích đánh giá thực trạng công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam. Luận văn đã thực hiện một số nội dung sau:

- Đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về lý thuyết và chế độ quy định về thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty.

- Phân tích thực trạng công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam, chỉ ra được một số tồn tại trong công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng và nguyên nhân của những tồn tại đó.

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng tại Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.

2. Kiến nghị

- *Với Bộ Tài chính:*

Kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn theo phân cấp chức năng của mình có liên quan đến hoạt động xây dựng, phù hợp với những thay đổi trong cơ chế, chính sách về xây dựng của Quốc hội, Chính phủ và Bộ Xây dựng

- *Với Chính phủ, Bộ Xây dựng:*

- + Ban hành các văn bản pháp quy rõ ràng, chính xác, dễ hiểu, .
- + Ban hành các văn bản đính chính những sai sót còn tồn tại trong các văn bản đã được ban hành.
- + Các nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn công tác thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng cần rõ ràng hơn nữa để các các đơn vị nhà thầu hiểu và thực hiện đúng.
- + Ngoài việc hướng dẫn hợp đồng xây dựng thì cần hướng dẫn rõ những trường hợp nào sử dụng loại hợp đồng nào để sau không phải điều chỉnh.
- + Cắt bớt các thủ tục thanh, quyết toán không cần thiết để giảm thời gian quyết toán công trình.
- *Với Lãnh đạo Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam*
- + Nghiên cứu để đề xuất xây dựng quy trình quản lý hồ sơ dự án theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015
- + Đề xuất Lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo thường xuyên, sát sao cán bộ Công nhân viên của Ban quản lý dự án Công ty trong công tác chuyên môn phải nắm bắt kịp thời các sửa đổi, bổ sung thông tư, nghị định do nhà nước ban hành để kịp thời trình Lãnh đạo Ban có thông báo điều chỉnh cho phù hợp.
- + Đề xuất Giám đốc Ban quản lý dự án chỉ đạo cán bộ làm công tác thanh quyết toán và cán bộ theo dõi hiện trường phối hợp chặt chẽ với Tư vấn giám sát và Nhà thầu kịp thời triển khai các thủ tục nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng hoàn thành để đẩy nhanh tiến độ giải ngân.
- *Với các nhà thầu xây dựng (nhà thầu thi công, nhà thầu giám sát, tư vấn quản lý dự án,...)*
- + Có đủ nhân sự nắm rõ các quy định của Nhà nước về thủ tục thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng.
- + Có năng lực và chuyên môn phù hợp với ngành để phối hợp làm việc với chủ đầu tư và các đơn vị một cách hiệu quả.

Trong quá trình hoàn thiện Luận văn thạc sĩ của mình, mặc dù đã rất cố gắng và nhận được rất nhiều sự giúp đỡ của các thầy, cô giáo, các đồng nghiệp và bạn bè nhưng do hạn chế về kiến thức, thời gian nghiên cứu cũng như tài liệu tham khảo nên Luận văn của tôi không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành và thẳng thắn của các thầy, cô giáo và đồng nghiệp để Luận văn thạc sĩ của tôi được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn Lãnh đạo trường Đại học Giao thông Vận tải, Phòng đào tạo sau đại học, Bộ môn Kinh tế xây dựng và các bộ môn khác của trường đã tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện Luận văn. Tôi xin chân thành cảm ơn cô giáo **TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh** và các thầy, cô giáo trong trường Đại học Giao thông Vận tải và bạn bè, đồng nghiệp và các cơ quan thuộc Bộ GTVT đã tận tình giúp đỡ tôi hoàn thành Luận văn này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (2016), Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 *quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước*.
2. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 *quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu*.
3. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 *về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình*.
4. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 *về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình*.
5. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 *quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng*.
6. Nghiêm Văn Dĩnh (2010), *Giáo trình quản lý thực hiện dự án*, Trường Đại học Giao thông vận tải, Hà Nội.
7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013*.
8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014*.
9. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014*.
10. Kho bạc Nhà nước (2012), Quyết định số 282/QĐ-KBNN ngày 20/4/2012 *về việc quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong nước qua hệ thống Kho bạc Nhà nước*.
11. Nguyễn Quỳnh Sang (2011), *Giáo trình quản lý tài chính trong đầu tư xây dựng*, Trường Đại học Giao thông vận tải, Hà Nội.